



Chàng đẽm



"Người ta còn giàu có thêm vì
cả những nỗi khổn cùng..."
SAINT-EXUPÉRY

ANTOINE DE SAINT-EXUPÉRY



ANTONIE DE SAINT EXUPÉRY
BAY ĐÊM
CHÂU DIÊN dịch

Giới Thiệu

Ngay khi ra mắt độc giả vào năm 1931, Bay đêm - được Antoine de Saint-Exupéry viết trong những ngày lưu lại Argentina - đã được công chúng hào hứng đón nhận và giành được nhiều giải thưởng của giới phê bình ở cả Pháp và Mỹ, trong đó có Giải thưởng Fémina uy tín.

Với Saint-Exupéry, Bay đêm trên hết là một khúc tráng ca về màn đêm và những con người dũng cảm đi tiên phong trong ngành hàng không. Ở tác phẩm này, lại một lần nữa, vốn kinh nghiệm của một phi công lão luyện đã giúp ông vẽ nên những khung cảnh hùng vĩ đầy sắc màu, đầy thơ mộng nhưng cũng ẩn giấu những nguy hiểm khôn lường dưới đôi cánh bay.

Tác phẩm đã được xuất bản ở Anh và Mỹ ngay từ năm 1932 và một năm sau đó, được hãng Metro Goldwyn Mayer chuyển thể thành phim, đưa tên tuổi của Saint-Exupéry đến toàn thế giới.

“Bên dưới đôi cánh bay, những quả đồi đã rạch sâu thành đường xé nước thẫm màu trong ánh vàng ban chiều. Đồng nội rạng rỡ ánh sáng, sáng kéo dài đến bất tận: ở đất nước này đồng nội không khi nào ngừng hắt lên ánh vàng, cũng như vào lúc tàn đông, chúng không khi nào ngừng hắt lên màu trắng tuyết.

Đôi khi, sau trăm kilômét thảo nguyên còn hoang vắng hơn cả biển cả, anh bay ngang một nông trại hẻo lánh, anh chợt thấy như nó chở nặng những kiếp người lui lại phía sau, giữa những sóng cồn đồng cỏ, và thế là anh đã nghiêng cánh chào con tàu thủy ấy.”

1

Bên dưới đôi cánh bay, những quả đồi đã rạch sâu thành đường xé nước thăm màu trong ánh vàng ban chiều. Đồng nội rạng rỡ ánh sáng, sáng kéo dài đến bất tận: ở đất nước này đồng nội không khi nào ngừng hắt lên ánh vàng, cũng như vào lúc tàn đông, chúng không khi nào ngừng hắt lên màu trắng tuyết.

Tên đường chở chuyển tàu thư Patagonie^u từ cực Nam châu Mỹ về Buenos – Aires, phi công Fabien nhận ra những dấu hiệu chiều buông xuống giống như nước một bến cảng: từ cái băng lặng, từ những gợn sóng nhẹ nhàng do những áng mây êm đềm khẽ họa nên. Anh bước vào một cửa biển mênh mông và diễm phúc.

Trong cái yên tĩnh ấy, anh tưởng như đang thanh thản dạo bước, gần như một chú mục đồng. Các chú mục đồng ở Patagonie không chút vội vàng đi từ đàn cừu này đến đàn cừu kia: anh đang đi từ thành phố này qua thành phố nọ, anh là mục đồng của những thành thị nhỏ xinh. Hai giờ một lần gặp những thành thị ấy uống nước bên sông hoặc gặm cỏ trên đồng.

Đôi khi, sau trăm kilomet thảo nguyên còn hoang vắng hơn cả biển cả, anh bay ngang một nông trại hẻo lánh, anh chợt thấy như nó chở nặng những kiếp người lui lại phía sau, giữa những sóng cồn đồng cỏ, và thế là anh đã nghiêng cánh chào con tàu thủy ấy.

“Đã nhìn thấy San Julian; mười phút nữa chúng tôi hạ cánh”.

Người điện báo trên máy bay loan tin cho tất cả các trạm dọc đường bay.

Suốt hai nghìn năm trăm kilomet, từ eo biển Megellan đến Buenos – Aires trải ra những trạm dừng tương tự; những trạm dừng này mở vào biên thùy bóng đêm, như ở châu Phi mở vào biên thùy cõi huyền bí, bóng đêm như cái thôn trấn quy phục cuối cùng.

Người điện báo chuyển mẫu giấy cho người lái:

“Trời đầy đông, hai ống nghe đầy tiếng phóng điện. Có định ngủ lại San Julian không?”

Fabien mỉm cười: bầu trời yên tĩnh như một bể kính nuôi cá, và các trạm dừng phía trước đều thông báo: “Trời trong, không gió”.

Anh đáp:

“Đi tiếp như thường”.

Nhưng người điện báo nghĩ bụng rằng có những cơn dông vẫn ẩn nấp đâu đây, như những con sâu chui trong quả ngọt; đêm hẳn là sẽ đẹp vậy mà đã thối nhũn rồi; anh thấy ghê tởm khi bước vào cái bóng tối sắp nát rữa ấy.

Cho động cơ chạy không tải khi đáp xuống San Julian, Fabien cảm thấy mệt rã rời. Mọi cái gì khiến cho kiếp đời người thành dịu ngọt bỗng lớn ủa tới với anh: những ngôi nhà của họ, những quán trà xinh xẻo của họ, những rặng cây trên đường họ tản bộ. Anh thấy mình giống một kẻ đi chinh phục vào buổi chiều tối đã hoàn thành thắng đoạt đang nhào tẩn thân mình trên đất đai để quốc mệnh mông và bỗng nhận ra cái hạnh phúc xoàng xĩnh của người đời. Fabien cảm thấy mình cần buông vũ khí, cần cảm nhận cho hết tẩm thân nặng trĩu và xương cốt đau dần, con người còn phong phú thêm vì những nỗi khốn cùng và cần được tồn tại nơi đây trong cốt cách một con người giản dị đưa mắt qua cửa sổ suy ngẫm một ảo ảnh kể từ nay đã thành bất biến. Ngôi làng nhỏ xíu kia, có thể anh đã chấp nhận nó: sau khi đã chọn lựa chán chê, con người vẫn vui lòng chấp nhận cái ngẫu nhiên trong cuộc sinh tồn và có thể yêu nó. Như là tình yêu, nó vây lấy ta. Fabien những mong sống nơi đây thật lâu, nhận cho mình ở nơi đây cái phận của vĩnh cửu, vì đối với anh, những thành phố nhỏ nơi anh sống qua một giờ cùng những khu vườn bọc tường cũ kỹ anh bay ngang, dường như chúng đều sống đến muôn đời cái cuộc sống trải dài bên ngoài con người anh. Và cái làng kia đang bốc lên cao dần tới tổ bay và đang dang rộng tay đón anh. Fabien nghĩ đến những con người được kết giao, những cô gái mắng tở, những tấm khăn bàn trắng thân tình, nghĩ tới mọi cái gì chậm chậm dần dần đã trở thành cái thuộc về con người cho đến muôn đời. Cái làng đã trôi đi sát dưới đôi cánh bay, phơi bày cái huyền bí của những khu vườn kín đáo mà cổng cao tường chắc chắn còn chờ che cho nữa. Những khi đã chạm đất, Fabien biết rằng anh đã chẳng nhìn thấy chút gì, có chăng chỉ là chút

cử động chậm chạp của vài con người giữa đồng đá cơ ngơi nhà họ. Chỉ bằng sự bất động, ngôi làng kia bảo vệ điều bí ẩn những đam mê của nó, ngôi làng kia chối từ không chịu chứng ra cái dịu hiền: muốn chiếm được nó hẳn là phải khước từ hành động chiếm đoạt.

Mười phút ở trạm dừng đã trôi qua, Fabien lại phải lên đường.

Anh ngoái lại phía San Julian: đó chỉ còn là một mớ đốm sáng, rồi là một mớ sao trời, rồi cái đám bụi một lần cuối cùng quyến rũ anh cũng tan biến nốt.

“Không nhìn thấy mặt các đồng hồ nữa: bật đèn thôi”.

Anh chạm tay vào các công tắc điện, nhưng những bóng đèn đỏ trong khoang lái trút lên các cây kim một thứ ánh sáng tan loãng vào ánh sáng mặt trời đang còn xanh lơ đến nỗi các cây kim không lên màu. Anh chìa ngón tay trước một bóng đèn: ngón tay anh chỉ hơi nhuộm màu chút ít.

“Còn sớm quá!”

Tuy vậy đêm vẫn đang dâng lên như một làn khói âm u đã phủ đầy các thung lũng. Không còn phân biệt nổi thung lũng với đồng bằng. Và làng mạc cũng đã lên đèn, chòm sao này thấp lên có chòm sao kia đáp lại. Cả anh nữa, anh lấy ngón tay bấm cho đèn hiệu trên máy bay nhấp nháy, anh đáp lời các xóm làng. Trái đất chẳng đầy những tiếng gọi bằng ánh sáng, mỗi ngôi nhà thấp lên ngôi sao của mình trước bóng đêm menh mang, như thể ta xoay hải đăng ra phía biển. Mọi cái gì bao phủ một cuộc sống con người đều đã nhấp nháy sáng. Fabien chiêm ngưỡng chuyển đi vào bóng đêm làn này diễn ra từ từ và đẹp như chuyển đi vào bến cảng.

Anh chúi đầu vào trong khoang lái. Chất dạ quang ở các cây kim bắt đầu hắt sáng. Người lái kiểm tra lần lượt các con số và anh thấy hài lòng. Anh thấy mình đang ngồi chắc chắn trong bầu trời. Anh lấy ngón tay sờ vào một thanh thép đỡ cánh máy bay, và cảm thấy sự sống đang tuôn chảy trong thanh kim loại: nó không rung đâu, nó đang sống đó. Động cơ năm trăm sức ngựa làm sinh ra trong vật chất một dòng chảy thật là mượt mà, khiến cho cái bề mặt lạnh như băng trở thành êm như nhung. Một lần nữa, trong

lúc bay, người phi công chẳng cảm thấy choáng váng hoặc say đảo mà chỉ thấy hoạt động huyền bí của một thịt da đang sống.

Và giờ đây anh đã tạo lại cho mình một thế giới riêng, anh cựa quậy xô lấn để sống nơi đó thành thói thoải mái.

Anh vỗ nhẹ lên bảng phân phối điện, anh lần lượt đụng tay vào các nút điện, anh nhúc nhắc người đôi chút, tựa lưng vào ghế cho êm hơn, và anh kiểm tìm cái tư thế tuyệt hảo để cảm nhận cho hết cái đung đưa của năm tấn kim loại đang được trời đêm trôi nổi đỡ trên vai. Rồi anh lần sờ, đẩy bóng đèn dự phòng vào vị trí, buông nó ra, lại tìm được nó, định ninh là nó không trôi đi, rồi lại buông nó ra để lấy tay vỗ nhẹ vào từng chiếc cần đẩy, chắc chắn đưa tay ra là đụng vào từng chiếc, luyện tập cho các ngón tay anh hoạt động trong một thế giới người mù. Thế rồi, sau khi các ngón tay anh đã hiểu thấu đáo cái thế giới ấy, anh tự cho phép được thả lên bóng đèn, trang trí cho khoang lái những công cụ chính xác, và chỉ dõi theo trên các mặt đồng hồ bước anh đi vào đêm như lao vào miền nước. Sau đó, khi thấy không cây kim nào chao đảo, cũng không rung động, cũng chẳng run rẩy, khi thấy máy đo của động cơ đều đứng im phẳng phắc, anh khẽ vươn vai, tựa gáy vào thành ghế bằng da và bắt đầu cuộc suy ngẫm sâu xa trong lúc bay, khi ấy mới là lúc nếm nấp ngon lành một niềm hy vọng không sao diễn giải nổi.

Và lúc này, như một người canh giấc giữa đêm, anh nhận ra rằng đêm tối làm bộc lộ con người: những tiếng gọi kia, những ánh sáng kia, niềm âu lo khắc khoải nọ. Một ngôi sao đơn sơ trong bóng tối kia: một ngôi nhà cách biệt. Một ngôi sao tắt đi: đó là một ngôi nhà khép lại che chở cho tình yêu.

Hoặc là chở che điều phiến lụy. Đó là một nhà đã ngừng đánh tính hiệu cho đời. Những người dân quê kia đang tì tay trên bàn trước ngọn đèn, họ đâu có biết mình đang hy vọng những gì; họ cũng không biết rằng điều đang ước ao lại vắng đi xa đến thế vào cái đêm lớn mênh mông vây kín. Nhưng Fabien, khi anh đã đi qua nghìn kilomet và cảm thấy những sóng ngầm nâng lên nhồi xuống chiếc máy bay thở phì phò, khi anh đã vượt qua mười cơn dông như đi qua những cánh rừng thưa làm bằng ánh trăng và khi

anh lần lượt đến được những miền sáng kia với tình cảm chiến thắng trong tim, Fabien nhận ra được điều ao ước đó. Những con người kia ngỡ rằng ngọn đèn của họ chỉ soi tỏ chiếc bàn đơn sơ, nhưng ở nơi cách xa họ tám mươi kilomet có con người đã động lòng vì tiếng gọi của ánh sáng đó, tựa hồ như họ đang tuyệt vọng đảo chao từ trên một đảo hoang, trước biển lớn.

2

Như vậy đó, ba chiếc máy bay chở thư, chiếc Patagonie từ hướng Nam, chiếc Chile từ hướng Tây và chiếc Paraguay từ hướng Bắc, đang bay về Buenos – Aires. Đợi chúng dỡ hàng ở đó xong, đến nửa đêm, người ta sẽ ra lệnh khởi hành cho con tàu bay về châu Âu.

Ba người phi công, mỗi người ngồi sau mui che máy nặng nề như chiếc sà lan, lạc lõng trong đêm, họ đang suy ngẫm về chuyến bay, và từ bầu trời đông bão hoặc thanh bình, họ bay xuống cái thành phố mênh mông kia như những bác dân quê kỳ lạ bỏ núi đi xuống.

Rivière, người phụ trách cả mạng lưới các tuyến bay đang đi lại quanh quần trên bãi hạ cánh ở Buenos – Aires. Lầm lì câm lặng, vì chừng nào ba chiếc máy bay chưa tới, cái buổi ngày nay đối với ông vẫn còn đáng gờm. Từng phút một theo các bức điện chuyên đến, Rivière có ý thức rõ rệt đang giằng giật một cái gì ra khỏi sự rủi may, đang làm bớt đi cái phần ẩn số, và đưa được các tổ bay ra khỏi đêm tối cho đến bến bờ.

Một người lao công tới bên Rivière thông báo cho ông nội dung bức điện của trạm vô tuyến.

- Tàu thư Chile cho biết đã nhìn thấy ánh đèn Buenos – Aires.
- Được.

Lát sau Rivière rồi sẽ nghe thấy chiếc máy bay đó: đêm tối đã đang nộ một chiếc, cũng giống như biển cả đầy những con nước lên lại con nước rút và đầy bí ẩn, nộ vào bãi bờ cái báu vật trôi nổi đong đưa trên mặt biển quá lâu. Và sau đó rồi sẽ nhận được nốt của đêm tối hai chiếc máy bay kia.

Bây giờ công việc buổi ngày này sẽ hoàn tất. Bây giờ các kíp mệt rũ sẽ đi ngủ, thế chân bằng những kíp còn sung sức. Nhưng Rivière cũng vẫn chẳng được nghỉ ngơi: đèn lợt chiếc tàu thư đi châu Âu sẽ lại chẳng chất nặng lo âu lên ông. Sẽ cứ mãi mãi diễn ra như vậy. Mãi mãi. Lần đầu tiên trong đời, người đô vật già kia ngạc nhiên cảm thấy mình mệt mỏi. Các chuyến bay tới đích không khi nào giống như cái chiến thắng chấm dứt một cuộc chiến tranh và mở ra một kỷ nguyên thanh bình diễm phúc. Đối với

ông bao giờ cũng vẫn chỉ là xong một bước đi, sau đó là cả nghìn bước đi tương tự. Rivière cảm thấy như ông dang thẳng hai cánh tay từ lâu để nâng một vật nặng vô cùng nặng: “Mình đang già đi...”. Ông đang già đi thật, nếu như duy chỉ trong hành động ông đã, chẳng còn tìm thấy chất dinh dưỡng. Ông ngạc nhiên thấy mình suy ngẫm về những vấn đề chưa từng tự nêu ra. Mặc dầu vậy, vẫn ùa về với ông trong tiếng thầm thì u sầu hàng loạt điều ân ái xưa nay ông vẫn gạt bỏ một bên, cả một đại dương mù mịt. “Mọi cái đó gần gũi đến thế sao?...” Ông đợi “khi nào có thời gian”, cái điều làm êm dịu cuộc sống con người. Tưởng chừng như thật sự vào một lúc nào đó con người sẽ có thể có thời gian, tưởng chừng như đến đầu mút cuộc đời con người có thể giành giật được cái thanh bình điểm phúc mình vẫn thường mơ tưởng. Nhưng thanh bình là điều không có. Không có cái bến đậu dứt khoát của tất cả các con tàu thư.

Rivière dừng lại trước mặt Leroux, một bác đốc công già đang làm việc. Cả Leroux nữa cũng lao động từ bốn chục năm nay. Và công việc đã rút hết sức lực bác ta. Khi Leroux trở về nhà quăng mười giờ tối hoặc nửa đêm, không có một thế giới nào khác dang tay đón bác, đó không phải là một cuộc lẩn trốn. Rivière mỉm cười với con người ấy khi bác ngẩng khuôn mặt vụng về lên và trở vào một cái trục biếc ánh thép: “Chắc ghê gớm, nhưng tháo được rồi”. Rivière cúi người nhìn chiếc trục. Công việc nghề nghiệp đã lại cuốn hút ông rồi. “Phải bảo các xưởng doa các bộ phận này cho trơn hơn nữa.” Ông lấy ngón tay sờ vào những vết xây xước rồi lại ngắm nhìn Leroux. Nhìn những vết nhăn khắc nghiệt trên mặt Leroux, ông chột buột ra một câu hỏi kỳ cục. Ông buồn cười vì điều đó:

- Bác Leroux, trong đời bác, chuyện yêu đương được bác quan tâm nhiều chứ
- Ô, thưa ông giám đốc, chuyện yêu đương ấy à...
- Bác cũng giống tôi, chưa khi nào có thời gian cả.
- Chẳng có bao nhiêu...

Rivière lắng nghe giọng nói, để biết câu trả lời có chua chát không: nó không chua chát. Mặt đối mặt với cuộc đời đã trôi đi, con người ấy bình thản hài lòng như người thợ mộc mới bào xong một tấm ván đẹp: “Thế là xong”.

“Thế là xong”, Rivière nghĩ bụng, thế là “đời mình đã xong”.

Ông gạt bỏ mọi ý nghĩ u buồn do mệt nhọc đem lại, và đi về phía nhà cất máy bay, vì tiếng máy bay từ Chile tới đang gầm rú.

3

Tiếng máy nổ đàng xa dần dần đậm đặc hơn. Nó nổ to dần. Dưới đất bật các đèn hiệu. Những ngọn đèn đỏ làm cọc tiêu soi tỏ hình một nhà chứa máy bay, những cột vô tuyến điện, một miếng đất vuông vức. Chẳng đèn cho một ngày hội.

- Nó kia rồi!

Chiếc máy bay đã lăn bánh trong những luồng sáng ánh đèn pha. Nó lách đến mức như là máy bay mới. Nhưng khi nó đã dừng lại trước nhà chứa máy bay rồi, khi anh em thợ máy và những người lao công xằng xả đỡ các túi thư, phi công Pellerin vẫn không nhúc nhích.

- Thế nào, còn đợi gì mà chưa xuống?

Người phi công vẫn còn bận tâm vào một công việc bí ẩn nào đó, chẳng nghĩ đến chuyện đáp lời. Rất có thể anh đang còn lắng nghe toàn bộ tiếng ồn của chuyến bày truyền qua người mình. Anh khẽ gật gù rồi cúi người, lấy tay làm những thao tác gì đó. Sau rồi anh quay lại những người chỉ huy vậy anh em bạn, anh nhìn họ trang trọng tựa hồ đó là những vật sở hữu của mình. Dường như anh đang đếm đầu họ, ước lượng và cân đo họ, và anh nghĩ rằng anh đã chiếm được bọn họ, chiếm được cả cái nhà chứa máy bay trang hoàng cho ngày hội kia, cả cái thềm xi măng vững chãi kia, và xa hơn một chút nữa, chiếm được thành phố kia đang hoạt động nhộn nhịp, có đàn bà và hơi ấm. Anh nắm giữ những kẻ bày tôi, vì anh có thể sờ được vào họ, lắng nghe tiếng họ và chửi bới họ. Mới đầu anh định chửi họ còn thản nhiên ở đó, còn sống nhăn ra và ngăm trắng, nhưng rồi anh lại tỏ ra hiền lành:

- ... Chui ra rồi đi uống!

Và anh bước ra khỏi máy bay.

Anh muốn kể chuyện chuyển đi:

- Ôi chao, nếu mà các cậu!...

Hắn anh cảm thấy nói thế đã là nhiều, liền bỏ đi để cởi chiếc áo da.

Khi chiếc xe hơi đưa anh vào thành phố Buenos – Aires cùng với viên thanh tra mặt ỉu xiu và Rivière ngồi nín thinh, anh bỗng thấy buồn: quả là hay ho khi công việc trơn tru trót lọt, và khi đã yên ổn rồi liền buông ra hàng thôi hàng hồi tiếng chửi. Niềm vui mạnh mẽ biết bao! Nhưng rồi sau đó, khi hồi tưởng lại, bỗng thấy mang máng hồ nghi.

Vật lộn trong cơn gió xoáy, điều đó ít ra là có thực, là thẳng thẳng. Nhưng khuôn mặt của sự vật, các khuôn mặt các sự vật khi chúng ngỡ rằng chẳng ai nhìn thấy chúng, thì lại không như vậy. Anh nghĩ bụng:

“Thật y hệt như một cuộc nổi dậy: những khuôn mặt không tái đi mấy nổi, nhưng thay đổi biết bao!”

Anh cố gắng để hồi tưởng lại.

Anh đang yên lành vượt qua rặng núi Andes. Tuyết mùa đông êm đềm phủ đầy núi. Tuyết mùa đông nằm hiền hòa trên cái khối đồ sộ ấy, như những thế kỷ nằm hiền hòa trong những lâu đài chết. Trên dọc hai trăm kilomet tuyết phủ dày, không một bóng người, không một hơi thở sự sống, không một nỗ lực. Mà chỉ là những mạch núi dựng đứng lướt qua ở độ cao sáu nghìn mét, mà chỉ là những vách đá thẳng đứng, mà chỉ là yên tĩnh đến ghê người.

Thế rồi đến gần mỏm Tupungato...

Anh ngẫm nghĩ. Đúng vậy, chính ở chỗ đó anh được chứng kiến một chuyện thần kỳ.

Bởi vì ban đầu anh chẳng trong thấy gì hết, anh chỉ cảm thấy vướng víu, khó chịu, tương tự như một người ngỡ rằng mình đang đơn độc, bỗng không phải là đơn độc nữa, và có người đang nhìn mình. Nhưng quá chậm rồi và chẳng hiểu rõ vì sao, anh cảm thấy bao bọc quanh anh là nỗi giận hờn. Có thể thôi. Nhưng cơn giận hờn đã từ đâu tới?

Do đâu mà anh đoán định rằng nỗi giận hờn ấy rỉ ra từ đá, rỉ ra từ tuyết? Bởi vì dường như chẳng còn chuyện gì đến với anh, không một cơn bão xầm xì nào đang tiến tới. Nhưng ngay tại đó một thế giới khác đã nảy sinh ra từ thế giới kia. Ruột quặn thắt không sao hiểu nổi, Pellerin nhìn

những mòm núi vô tội kia, những mạch núi, những đỉnh núi phủ tuyết kia, chúng có màu hơi xám thêm một chút thôi, vậy mà chúng bắt đầu sống động như cả một bầy đoàn con người.

Chẳng có gì phải đầu tranh vật lộn tay anh vẫn nắm chặt cần điều khiển. Có chuyện gì đang sắp xảy ra mà anh không hiểu. Anh trương căng cơ bắp như một con thú sắp nhảy chồm, nhưng anh chẳng nhìn thấy một chút gì không có vẻ băng lạnh. Đúng thế, băng lạnh mà chứa chất một quyền lực kỳ lạ.

Sau đó mọi vật đều sắc nhọn ra. Những mạch núi kia, những mòm núi kia, tất cả đều nhọn ra: chúng như những mũi thuyền ngập sâu vào làn gió cứng. Rồi anh cảm thấy như chúng lướt lơ ngang dọc xung quanh anh, như những chiếc thuyền khổng lồ dàn đội hình chiến đấu. Thế rồi có một luồng bụi lẫn trong không khí: bụi bốc lên, khẽ bay như tấm mạng, dọc theo những vùng tuyết phủ. Khi ấy, để tìm một lối thoát khi cần phải tháo chạy, anh ngoái đầu lại và run bắn người lên: toàn bộ dãy núi andes phía sau dường như đang sôi sục.

“Hông rồi!”

Tuyết vọt lên từ một ngọn núi phía trước: một núi lửa phun tuyết. Sau đó là từ một ngọn núi thứ hai, hơi chệch về phía tay phải. Và cứ như vậy tất cả các ngọn núi lần lượt bốc cháy, tựa hồ như có một kẻ vô hình nào đó chạy qua liên tiếp chạm vào chúng. Khi ấy, cùng với những làn không khí quẩn lên lúc đầu, những trái núi xung quanh người phi công cũng nghiêng ngả.

Hành động phũ phàng thường để lại không nhiều vết tích: anh chẳng còn nhớ lại nổi những lớp không khí quẩn mạnh mẽ đã xô đẩy anh. Anh chỉ còn nhớ là anh đã vùng vẫy điên cuồng giữa những ngọn lửa màu xám ấy.

Anh ngẫm nghĩ:

“Gió xoáy, chẳng là cái gì hết. Vẫn thoát thân. Nhưng trước đó! Nhưng cái cuộc gặp gỡ đó!”

Anh nghĩ rằng, giữa cả ngàn khuôn mặt anh có thể nhận ra một khuôn mặt nào đó, vậy mà anh đã quên biến nó đi mất rồi.

Rivière nhìn Pellerin. Hai mươi phút nữa, khi anh ta bước xuống khỏi xe, hẳn anh sẽ hòa trộn vào đám đông với một cảm giác mệt mỏi và ì ạch. Hẳn anh sẽ nghĩ bụng: “Mình mệt thật... cái nghề khốn khổ!” Và hẳn anh sẽ thổ lộ với vợ đại khái như: “Ở đây sướng hơn nhiều lắm như không như ở bên trên dãy Andes”. Mặc dù vậy, mọi cái gì con người bầu vú mạnh mẽ đến thế hầu như vẫn đã tách ra khỏi anh: mới đây thôi anh đã được biết thế nào là sự thiếu thốn chúng đến mức khốn cùng. Mới đây thôi anh đã sống mấy giờ đồng hồ ở phía bên kia khung cảnh, mà chẳng biết nổi liệu mình còn được phép hồi phục cho riêng mình cái thành phố chói chang ánh đèn này chẳng. Liệu chẳng còn tìm thấy lại mọi cái gì què quặt dễ thương cảm con người, đó là những người thân tình từ thuở ấu thơ ngán ngấm mà thân thiết. “ Trong mọi đám đông, Rivière nghĩ bụng, đều có những con người vốn giống hệt mọi người nhưng lại là những sứ giả diệu kỳ. Và chính bản thân họ cũng không biết điều đó. Trừ phi...”. Rivière e ngại những kẻ chiếm ngưỡng nào đó. Bọn họ không hiểu được tính cách thiêng liêng của phiêu lưu, những điều biểu cảm họ thốt ra làm sai lạc ý nghĩa phiêu lưu, làm bé nhỏ con người đi. Nhưng ở đây, Pellerin vẫn giữ được tất cả dáng vẻ lớn lao vĩ đại, chỉ vì anh đã biết rõ hơn ai hết cái thế giới này một khi hé nhìn nó dưới một góc độ nào đó sẽ có giá trị gì, và anh biết gạt bỏ những lời tán tụng thô thiển bằng một vẻ khinh thị vụng về. Vì vậy mà Rivière đã ngợi khen anh ta: “Anh làm cách nào mà thành công?” Và Rivière thấy yêu anh ta khi anh chỉ nói chuyện thuần túy nghề nghiệp, khi anh ta nói về chuyến bay của mình như người thờ rên nói về chiếc đê.

Trước hết Pellerin diễn giải chuyện không có đường tháo lui. Hầu như anh biện bạch: “Thế là tôi chẳng còn con đường nào khác”. Sau đó anh chẳng nhìn thấy gì hết: tuyết làm anh mù đặc. Nhưng có những dòng không khí mãnh liệt nâng anh lên cao tới bảy nghìn mét đã cứu anh, “Hẳn là tôi đã giữ độ cao sát các mòm núi trong suốt chuyến bay”. Anh cũng nói về cái máy đo hồi chuyển mà có lẽ ta cần đổi vị trí bộ phận hút gió: tuyết đã bịt kín nó: “Tuyết đóng thành băng, ông ạ”. Về sau lại có những dòng không

khí khác xô đẩy Pellerin, và khi tụt xuống độ cao ba nghìn mét thì anh không còn hiểu vì sao mình chưa bị xô đụng vào đâu cả. Chẳng qua là vì khi đó anh đã bay trên đồng bằng. “Khi bay lọt vào khoảng trời xanh trong, tôi bất chợt nhận ra điều đó”. Và anh nói rõ vào lúc đó anh có cảm giác vừa từ một hang đá chui ra.

- Ở Mendoza cũng có bão?

- Không. Tôi hạ cánh lúc trời trong, không có gió. Nhưng sát sau lưng là bão đuổi theo.

Anh mô tả cơn bão đó vì, anh nói, “dấu sao chuyện đó thật lạ kỳ”. Ngọn cơn bão mất hút rất cao trong những đám mây tuyết, còn đáy cơn bão trôi trên đồng bằng như dung nham đen. Lần lượt các thành phố bị nuốt chửng. “Tôi chưa từng thấy thế bao giờ...”. Và sau đó anh nín lặng, đắm mình trong hồi tưởng nào đó.

Rivière quay lại phía thanh tra.

- Đó là một trận gió xoáy Thái Bình Dương, chúng ta được thông báo quá muộn. Những trận gió xoáy đó không khi nào vượt qua dãy Andes.

“Lúc ấy không thể đoán biết là cơn gió xoáy đó tiếp tục đi về hướng đông”.

Viên thanh tra chẳng biết mô tê gì chuyện đó, gật đầu tán thành.

Viên thanh tra có vẻ ngật ngưỡng, quay lại phía Pellerin, và cục yết hầu ông ta động đậy. Nhưng ông không nói gì. Sau một chút đắn đo, ông đã lấy lại vẻ đĩnh đạc âu sầu, mắt nhìn thẳng về phía trước.

Như một hành trang, ông luôn luôn mang theo cái vẻ âu sầu ấy. Được Rivière triệu tập đến để làm những công việc mơ hồ, chiều qua ông mới tới Argentina, ông đang còn lúng túng vướng víu trong quyền lực to lớn và trong vẻ đĩnh đạc ngai thanh tra. Ông không có quyền thán phục cả thói phóng túng lẫn tính nhiệt thành: theo chức năng, ông chiêm ngưỡng cái gì đúng đắn chính xác. Ông không có quyền cùng uống ly rượu với mọi người, không được mày tao chi tở với anh em, và chỉ được buột mồm nói

đùa khi vô cùng bất ngờ, cùng trong một trạm dừng, ông bắt gặp một viên thanh tra khác.

“Phải làm người phán xử thật là khó khăn nặng nhọc” – ông nghĩ.

Thực ra thì ông không phán xử, ông chỉ gật gù cái đầu. Lờ tịt hết thảy mọi chuyện, ông chậm chạp gật gù đầu khi bắt gặp bất cứ chuyện gì. Điều đó làm cho những ai bụng dạ đen tối bị xao xuyến và góp phần bảo dưỡng tốt vật tư. Ông chẳng được mấy ai yêu mến, vì chức thanh tra không phải dựng ra để làm chuyện yêu đương ngọt ngào, mà để làm báo cáo. Trong các báo cáo đó ông đã thôi không đưa ra đề nghị những phương pháp mới và những giải pháp kỹ thuật kể từ khi Rivière viết: “Yêu cầu ông thanh tra Robineau cung cấp báo cáo cho chúng tôi chứ đừng làm thơ. Mong rằng ông thanh tra Robineau sẽ sử dụng đúng chỗ khả năng của mình bằng cách thúc đẩy nhân viên làm việc tích cực”. Từ đó ông vồ lấy những sai sót của con người như vồ lấy miếng ăn hàng ngày. Vồ lấy anh thợ máy nốc rượu, vồ lấy anh chỉ huy bãi bay thức chơi trăng đêm, vồ lấy anh phi công hạ cánh không êm để máy bay bị xóc.

Rivière nói về ông ta: “Ông ấy không thông minh lắm, vì vậy mà rất được việc”. Một điều lệnh do Rivière đặt ra, về phía Rivière là sự hiểu biết con người; nhưng về phía Robineau thì chỉ là sự hiểu biết điều lệnh.

- Ông Robineau, một bạn Rivière bảo ông ta – ông phải cắt các món thường đúng giờ đối với tất cả các chuyến bay xuất phát muộn.

- Ngay cả trong trường hợp có nguyên nhân khách quan? Ngay cả khi có sương mù?

- Ngay cả khi có sương mù.

Và Robineau thấy hãnh diện vì có một cấp trên mạnh như vậy khiến ông chẳng còn lo mình hành động bất công. Và bản thân Robineau hẳn cũng có chút oai trong một quyền lực xúc phạm con người đến thế.

- Các ông đã hạ lệnh xuất phát lúc sáu giờ mười lăm, sau này ông nói lại cho các viên chỉ huy sân bay, chúng tôi không thể chi tiền thưởng cho các ông.

- Nhưng, thưa ông Robineau, lúc năm giờ ba mươi, cách mười mét chúng tôi chẳng nhìn thấy gì?

- Điều lệnh là như vậy.

- Nhưng, thưa ông Robineau, chúng tôi không thể quét được sương mù!

Thế rồi Robineau thu người lại trong vẻ bí ẩn. Ông là một người trong bộ máy chỉ đạo. Giữa đám người ngoan ngoãn để bảo ấy, một mình ông hiểu vì sao trừng phạt con người lại cải thiện được thời tiết?

“Ông ấy chẳng suy tư gì hết, Rivière nhận xét, như vậy lại tránh cho ông ấy suy tư sai”.

Nếu một phi công làm hư hỏng máy bay, phi công đó sẽ bị mất tiền thưởng giữ gìn máy tốt.

- Những khi máy bay hỏng hóc trên một khu rừng thì sao? – Robineau xin ý kiến.

- Trên một khu rừng cũng vậy.

Và Robineau cứ giữ y lời.

Rất đáng tiếc, sau này ông nói với các phi công với vẻ say sưa mãnh liệt, có thể nói là vô cùng đáng tiếc, thế nhưng đáng lẽ phải hỏng hóc ở nơi khác.

- Nhưng thưa ông Robineau, mình đâu có chọn lựa được!

- Điều lệnh là như vậy.

“Điều lệnh, Rivière suy nghĩ, nó giống như các nghi thức tôn giáo, chúng có vẻ vô lý nhưng lại đào luyện được con người”. Rivière không quan tâm đến vấn đề có vẻ công bằng hay bất công. Thậm chí những từ đó với ông rất có thể là vô nghĩa. Bọn thị dân nhỏ của những thành phố nhỏ tối tối lại quần quanh bên quán nghe nhạc, và Rivière nghĩ bụng: “Công bằng hoặc bất công với bọn họ, đều đó là vô nghĩa: họ có là gì đâu?” Đối với ông, con người là một cục sáp tinh khôi còn cần phải nhào nặn. Còn cần phải đem lại một tâm hồn cho vật liệu ấy, tạo cho nó một ý chí. Ông không nghĩ rằng dùng cái cứng rắn đó là để nô dịch họ, mà là để đẩy những con người ấy

vượt ra khỏi bản thân. Nếu như vì thế ông đã trừng phạt mọi sự chậm trễ, thì ông đã hành động bất công, nhưng ông đã phát động được ý chí của mỗi trạm dừng hướng vào việc khởi hành đúng giờ; ông tạo ra cái ý chí ấy. Ông không cho phép mọi người hân hoan khi gặp trời xấu, coi đó như một dịp nghỉ ngơi, ông bắt họ hồi hộp đợi chờ, và sự đợi chờ làm nhục mà ngấm ngầm cho đến tận người lao công vô danh tiểu tốt. Thế là người ta lợi dụng ngay khi bầu trời rách vỡ ra một mảng nhỏ: “Cất cánh về hướng bắc, lên đường!” Nhờ ở Rivière, trên suốt mười lăm nghìn kilomet, quyền ưu tiên được dành cho tinh thần sùng bái con tàu thư.

Đôi khi Rivière nói:

“Những con người ấy hạnh phúc vì họ yêu mến điều họ làm, và họ yêu như vậy, bởi vì tôi cứng rắn.”

Có thể ông đã làm cho mọi người đau khổ, nhưng cũng bằng cách đó ông đem lại cho họ những niềm vui mạnh mẽ.

“Phải đẩy họ tới một cuộc đời mạnh mẽ, ông nghĩ bụng, một cuộc đời có cả đau khổ lẫn niềm vui nhưng là cuộc đời duy nhất đáng kể”.

Khi xe vào thành phố, Rivière bảo họ chở ông đến văn phòng công ty. Còn lại một mình với Pellerin, Robineau nhìn anh ta và bắt đầu mở miệng.

Chả là tối hôm đó Robineau thấy mệt mỏi. Đứng trước Pellerin – con người chiến thắng, ông chột nhìn ra cuộc đời mình mang màu xám. Nhất là ông chột nhìn ra rằng con người ông, mặc dù mang danh hiệu thanh tra và có uy lực, vẫn kém giá trị con người mệt rũ kia đang ngồi gọn trong một góc xe hơi, đôi mắt nhắm nghiền và đôi bàn tay đen nhẻm đầu máy. Lần đầu tiên trong đời, Robineau thán phục. Ông thấy cần nói lên điều đó. Nhất là ông cần chiếm được một tình bạn. Ông mệt vì chuyến đi và mệt vì những thất bại trong ngày, rất có thể ông cảm thấy mình hơi lỗ bịch nữa. Chiều nay, khi ông xem xét lại trữ lượng xăng, ông đã lẫn lộn các phép tính, thế rồi chính người nhân viên mà ông định chộp, vì thương tình đã là nốt các phép tính đó hộ ông. Bực mình hơn nữa là ông đã phê bình việc lắp máy bơm dầu kiểu B.6 nhưng lại lẫn với kiểu B.4, và những tay thợ máy nham hiểm đã để mặc ông rờn rã hai mươi phút si nhục “một sự ngu dốt không gì biện hộ nổi”, sự ngu dốt của chính ông.

Ông cũng thấy sợ cả căn phòng khách sạn nơi ông trọ. Từ Toulouse sang Buenos – Aires, bao giờ cũng như bao giờ, cứ xong công việc ông lại lăn về đó. Có ý thức rõ rệt về những điều bí mật nặng trĩu trong lòng, ông giam mình vào đó rồi rút trong va li ra một ram giấy, ông viết chậm rãi “Báo cáo”, ông viết bừa vài dòng rồi xé sạch. Ông chỉ ước gì đã cứu vớt công ty khỏi đại hiểm họa. Nhưng công ty chẳng gặp một hiểm họa nào. Cho đến nay ông vẫn chẳng cứu vãn được tí gì ngoài một cái trục cánh quạt chớm gỉ. Vẻ âm đạm, ông chậm chạp đưa ngón tay trên đám gỉ trước mặt người chỉ huy bãi bay, người này trước đó đã đáp lại ông: “Xin ông khiến trách trạm dừng trước trạm này: máy bay kia vừa mới từ đó tới đây”, Robineau thấy hoài nghi vai trò mình.

Ông ướm lời, mong được gần gũi với Pellerin:

- Anh có thể dùng bữa tối với tôi chứ? Tôi cần được chuyện trò tí chút, cái nghề của tôi đôi khi thật khốn khổ...

Ông vội chữa ngay để không hạ xuống quá nhanh:

- Trách nhiệm của tôi quá nhiều!

Những người cấp dưới chẳng ai muốn để Robineau nhúng vào đời tư của họ. Ai ai cũng nghĩ:

“Ông ta vẫn chưa tìm được chuyện gì để đưa vào báo cáo, ông ta sẽ thiệt mình mất vì đang đói lắm”.

Nhưng tối đó Robineau chỉ nghĩ được tới những nỗi cùng cực của mình: thân thể ông bị mụn ghẻ dị ứng hành hạ khó chịu, đó là điều bí mật duy nhất đích thực của ông, những mong muốn kể lể, được thiên hạ thương tình, nhưng với lòng tự hào, ông không kiếm nổi mấy lời an ủi, ông đang đi kiếm bằng cách tự hạ mình. Ở bên Pháp ông cũng có một cô nhân tình, những đêm trở về ông vẫn kể cho cô nghe những chuyện ông đi thanh tra, để lòe cô tí chút và để được cô yêu nhưng chính vì vậy lại bị cô ác cảm, và ông có nhu cầu được kể lể về cô.

- Sao, anh dùng bữa tối với tôi nhé!

Pellerin, vờ hiền lành, nhận lời.

6

Khi Rivière bước vào, các nhân viên văn phòng công ty ở Buenos – Aries đang gà gât bên các bàn giấy. Ông vẫn mặc áo măng tô và đội mũ, nom ông lúc nào cũng giống một người suốt đời nay đây mai đó và hầu như không bao giờ nổi bật, phần vì vóc người ông nhỏ bé choán chỗ không nhiều, phần vì mái tóc hoa râm và áo quần ông xoàng xĩnh dễ hòa hợp với mọi khung cảnh. Mặc dù vậy, có một vẻ tích cực toát ra làm hoạt động mọi người. Những người thư ký bỗng thấy xúc động, ông trưởng phòng xem xét vội vàng những giấy tờ mới tới, các máy chữ lách cách.

Người giữ điện thoại cắm các phích vào tổng đài và ghi các bức điện báo vào một cuốn sách dày cộp.

Rivière ngồi xuống và đọc.

Sau cuộc thử thách ở Chile, ông đọc lại lịch sử một ngày hạnh phúc trong đó mọi chuyện tự thu xếp ổn thỏa và các bức điện lần lượt gửi cho nhau từ các sân bay là những bản tin thẳng trập ngắn gọn. Cả tàu thư Patagonie cũng tiến bộ nhanh, nó đang bay về đích sớm hơn thời gian biểu, vì gió từ Nam lên Bắc đang đẩy mạnh lớp sóng dồi thuận lợi.

- Đưa cho tôi các bản tin khí tượng.

Mỗi sân bay đều khoe thời tiết đẹp, trời trong gió hiu hiu nhẹ. Một buổi chiều rực vàng choàng áo lên châu Mỹ. Rivière thấy sáng khoái trước các sự vật diễn ra tích cực. Vào lúc này, con tàu thư ấy hẳn đang vật lộn ở một nơi nào đó trong màn đêm phiêu lưu, nhưng vật lộn với những cơ may tuyệt hảo.

Rivière gạt cuốn vở ra.

- Tốt.

Và ông bước ra, đưa mắt nhìn một lượt những bộ phận phục vụ trong tư cách người canh đêm đang đứng thức canh nửa phần thế giới.

Đến trước một khung cửa sổ ngỏ, ông dừng lại và bao quát cảnh đêm. Đêm tối chứa đựng cả Buenos – Aires và giống như một mái vòm lớn nơi

giáo đường, đêm tối chứa đựng cả châu Mỹ. Ông không thấy ngạc nhiên vì cảm giác lớn lao cao cả đó: bầu trời Santiago ở Chile, một bầu trời xa lạ, nhưng một khi con tàu thư lên đường về hướng Santiago ở Chile, từ đầu này đến đầu kia tuyến bay, con người sống chung dưới cùng một mái vòm sâu thẳm. Con tàu thư kia, vào lúc ngày mọi người đón đợi tiếng nó trong các ống nghe vô tuyến điện, ngư dân Patagonie đang thấy nó bật sáng các ngọn đèn hiệu. Nỗi lo âu kia của một con tàu đang bay khi nó đè nặng lên Rivière thì cũng đè nặng lên các kính thành và các tỉnh với tiếng động cơ nổ rền.

Sung sướng vì cái đêm khá thanh thản kia, ông hồi tưởng đến những đêm nhộn nhạo khi ông tưởng như con tàu bị ngập sâu nguy hiểm và khó lòng cứu nổi. Từ trạm vô tuyến điện Boenos – Aires, mọi người theo dõi tiếng nó than vãn xen lẫn tiếng những cơn dông lao xao. Dưới cái vỏ quặng cam đặc đó, tiếng vang của sóng âm nhạc mất hút đi. Xiết bao thảm thiết chứa đựng trong tiếng ca nhỏ bé của con tàu thư mắt không thấy gì vẫn lao vùn vụt về phía trước tới những trở ngại của đêm tối!

Rivière cho rằng vào một đêm phải canh chờ tàu thư, vị trí của viên thanh tra là ở văn phòng.

- Gọi Robineau lại đây cho tôi.

Robineau đang sắp sửa biến được một phi công thành bạn mình. Ở khách sạn, ông đã mở tung va li ra trước mặt: trong va li có đủ thứ vật vãnh khiến cho các viên thanh tra gần gũi với tất cả mọi người; vài chiếc sơ mi không biết chọn, bộ đồ trang điểm cá nhân, và một tấm hình đàn bà gầy gò được ông thanh tra treo tường. Bằng cách đó ông nhũn nhặn xưng tội với Pellerin về các nhu cầu, những tình cảm thiết tha, và những điều nuối tiếc. Khi ông xếp giăng hàng các vật báu ra theo một trật tự thảm hại, ông cũng phơi bày cảnh khốn cùng ra trước mắt người lái máy bay. Một mụn ghẻ dị ứng trong tâm hồn. Ông trưng ra cái nhà tù giam nhốt mình.

Nhưng với Robineau, cũng như với mọi người, vẫn còn chút ánh sáng. Ông tỏ ra vô cùng dụi dàng khi lôi từ đáy va li ra một cái túi con con được

bọc kỹ lưỡng. Ông vỗ nhẹ vào cái túi rất lâu chẳng nói một lời. Rồi ông mở hai bàn tay ra.

- Cái này tôi đem từ Sahara về.

Ông thanh tra thấy thẹn chín cả người khi cả gan bóc bạch điều sâu kín đến thế. Bằng những viên cuội nhỏ màu nhờ nhờ đen mở một tấm cửa vào huyền bí, ông đã được an ủi khỏi những đặng cay, khỏi nỗi bất hạnh trong cuộc sống vợ chồng.

Thẹn thùng thêm chút nữa:

- Những thứ này cũng có ở Brazin...

Và Pellerin đã vỗ về lên vai người thanh tra có thiên hướng đi tìm báu vật cổ xưa nay chìm sâu dưới Đại Tây Dương.

Về e dè ý tứ, Pellerin hỏi:

- Ông thích môn địa chất?

- Đó là niềm đam mê của tôi.

Trong cuộc đời chỉ có những hòn đá là tỏ ra hiền dịu với ông.

Khi được gọi, Robineau thấy buồn, nhưng lấy lại ngay cái vẻ đàng hoàng chững chạc.

- Tôi phải tạm biệt anh, ông Rivière cần đến tôi để có một vài quyết định hệ trọng.

Khi Robineau bước vào văn phòng, Rivière đã quên khuấy mất ông ta rồi. Ông đang trầm ngâm trước tấm bản đồ treo trên tường có vẽ màu đỏ toàn bộ tuyến bay của công ty. Ông thanh tra chờ lệnh. Giây lâu sau, vẫn không quay đầu lại, Rivière hỏi ông ta:

- Ông Robineau, ông nghĩ gì về tấm bản đồ này?

Đôi khi từ trong mộng bước ra, ông vẫn hỏi như thách đố.

- Tấm bản đồ này, thưa ông giám đốc...

Nói của đáng tội, ông thanh tra chẳng nghĩ ngợi gì về tấm bản đồ ấy, nhưng con mắt nghiêm khắc vẫn chăm chú dán vào đó, ông xem xét qua

một lượt cả châu Âu lẫn châu Mỹ. Và chẳng Rivière vẫn tiếp tục suy tưởng, nhưng không thể lộ ra với Robineau: “Khuôn mặt của toàn tuyến bay thật đẹp nhưng khắc nghiệt. Nó đã bắt chúng ta trả giá bằng nhiều con người, và là những con người trẻ trung. Với uy quyền của những sự vật đã xây dựng được, tuyến đường ở đây đã có thể đứng buộc mọi người chấp nhận, nhưng nó cũng đặt ra biết bao vấn đề”. Song đối với Rivière, mục đích là cái ngự trị bên trên tất cả.

Đứng ngay người gần Rivière, mắt luôn luôn nhìn thẳng phía trước vào tấm bản đồ, Robineau dần dần sửa cho thẳng lại dáng đứng của mình. Ông không trông chờ một chút thương tình nào từ phía Rivière.

Một lần, định cầu may, Robineau thú nhận cuộc đời mình phí hoài chỉ vì cái tật bệnh nhớ nhãng, Rivière đáp lại ông bằng câu đùa: “Nếu cái đó làm ông mất ngủ, thì nó sẽ kích thích ông hoạt động”.

Đó chỉ là một câu nửa đùa nửa thật. Rivière quen khăng định: “Một nhạc sĩ mất ngủ mà ra nhiều tác phẩm hay, thì đó là những cơn mất ngủ đẹp đẽ”. Một bạn Rivière đã trở vào Leroux nói với Robineau: “Ông coi thử hộ tôi xem thật đẹp biết bao, con người xấu xí khước từ tình yêu này...”. Mọi cái gì là vĩ đại đã có được ở Leroux hẳn có lẽ là do điều thất sủng ấy khiến đời bác thu lại chỉ còn trong công việc.

- Ông rất thân tình với Pellerin?

- Dạ!...

- Tôi không trách cứ ông chuyện đó.

Rivière quay lại và đầu hơi cúi, ông đi từng bước ngắn, kéo theo sau Robineau. Một nụ cười buồn hiện trên môi ông ta, Robineau không hiểu được.

- Có điều là... có điều ông là người chỉ huy.

- Vâng – Robineau nói.

Rivière nghĩ rằng như vậy, mỗi đêm có một hành động diễn ra trên trời như một hành động kịch. Mềm yếu ý chí có thể kéo theo thất bại, vì vậy mà từ giờ phút này cho tới lúc sáng ngày có lẽ còn phải đấu tranh nhiều lắm.

- Ông cần phải làm đúng vai trò.

Rivière nói cân nhắc từng lời:

- Có thể đêm mai ông sẽ ra lệnh cho người lái đó thực hiện một chuyến xuất hành nguy hiểm: anh ta sẽ phải tuân lệnh.

- Vâng...

- Hầu như ông nắm trong tay sinh mệnh nhiều con người, và là những con người có giá trị hơn ông...

Xem chừng ông ngập ngừng:

- Nếu họ tuân lệnh ông vì tình bạn, đó là ông lừa dối họ. Bản thân ông không được quyền bắt một ai hy sinh cho ông cả.

- Vâng... chắc chắn là thế.

- Và nếu họ tin rằng vì tình bạn với ông họ sẽ tránh được một số việc cực nhọc cũng là ông lừa dối họ; họ cần thiết phải tuân lệnh. Ông ngồi xuống đây.

Rivière lấy tay khê đẩy Robineau tới bàn giấy của ông ta.

- Ông Robineau, tôi sắp đặt ông đúng vị trí đây. Nếu ông mệt mỏi, ông chớ dựa vào những con người đó để họ nâng đỡ tinh thần ông. Ông là người chỉ huy. Ông yếu đuối và lỗ bịch. Viết đi.

- Tôi...

- Viết đi: “Thanh tra Robineau phạt phi công Pellerin như sau vì lý do như sau...”. Ông sẽ tìm được một lý do nào đó.

- Thưa giám đốc!

- Ông Robineau, hãy hành động như thể ông đã hiểu ý tôi rồi. Hãy yêu mến những người dưới quyền ông chỉ huy. Nhưng không nói với họ điều đó.

Robineau lấy lai được tính tích cực như cũ sẽ bắt mọi người lau chùi sạch sẽ các trục cánh quạt.

Một bãi đậu cấp cứu thông bao về bằng vô tuyến điện: “Nhìn thấy máy bay. Máy bay phát tín hiệu chế độ máy giảm, xin hạ cánh”.

Thế là lại có thể bị mất nửa giờ. Rivière biết rõ trạng thái cầu kính khi con tàu hỏa tốc năm ềnh trên đường và các giây phút trôi đi không còn đem dân cả loạt động bằng nữa. Chiếc kim dài trên mặt đồng hồ đây vạch lên một không gian chết: biết bao nhiêu biến cố có thể chứa đựng trong cái độ mở compa này. Rivière ra ngoài cho nguôi nỗi đợi chờ, và đêm tối trước mặt ông hiện ra trống rỗng như một nhà hát không có diễn viên. “Một đêm như thế này lại đang mất toi!” Qua cửa sổ, ông hẳn học nhìn bầu trời quang đầy sao, đầy những cọc tiêu của thiên thần, nhìn mặt trăng vàng của một đêm như thế sẽ để phí hoài.

Nhưng liền sau khi chiếc máy bay cất cánh, đêm đó đối với Rivière vẫn còn cảm động và đẹp. Nó mang sự sống trong bụng. Rivière cẩn thận chăm sóc nó:

- Thời tiết ra sao? – Ông ra lệnh hỏi tổ bay.

Mười giây trôi đi.

“Rất đẹp!”

Tiếp đó là vài tên thành phố họ bay qua và đối với Rivière, trong cuộc chiến đấu này, đó là những thành phố đã kéo cờ hàng.

Sau đó một giờ, người điện báo trên tàu thư Patagonie cảm thấy như được một cái vai khê nâng nhẹ anh lên. Anh nhìn bốn xung quanh: những đám mây nặng đang dập tắt những ngôi sao. Anh nhào người nhìn xuống đất: anh tìm kiếm ánh sáng các làng, giống như những ánh đom đóm lẩn trong cỏ, nhưng chẳng có chút gì ánh lên từ đám cỏ màu đen ấy.

Anh cảm thấy bức mình, biết trước sẽ gặp một đêm gian khổ: tiến quân, lui quân, những lãnh thổ chiếm được rồi còn phải trả lại. Anh không hiểu nổi chiến thuật của người lái; anh tưởng như bay xa chút nữa sẽ đụng vào chiều dày của đêm như đụng vào bức tường.

Giờ đây anh nhìn thấy phía trước mặt họ một ánh phản chiếu lóng lánh chập chờn ở sát đường chân trời: một ánh sáng lò rèn. Người điện báo lấy tay đụng vào vai Fabien, nhưng anh này không hề nhúc nhích.

Những trận sóng đôi đầu tiên của cơn dông phía xa tấn công máy bay. Khê được nâng lên, những khối kim khí đè thẳng lên thịt da người điện báo, sau đó chúng dường như tan ra, chảy lỏng ra, và trong vài giây đồng hồ, giữa đêm đen, anh chơi với một thân một mình. Anh liền dùng cả hai tay bấu chặt vào những thanh thép giằng cánh máy bay.

Anh chẳng còn nhận ra một vật gì ngoài cái bóng điện màu đỏ trong buồng lái, anh rùng mình ớn lạnh thấy mình lao vào lòng bóng đêm, không gì cứu đỡ, chỉ được chở che nhờ một ngọn đèn thợ mỏ con con. Anh không dám quấy rầy người phi công để biết xem anh ta sẽ quyết định thế nào, và hai tay bám chặt thanh sắt, hơi ngả người về phía anh ta ngồi đằng trước, anh nhìn vào cái gáy thẫm màu ấy.

Trong làn ánh sáng nhợt nhạt chỉ thấy nhô lên không động đậy một cái đầu và đôi vai. Cái thân xác kia chỉ còn làm một khối tối tăm, hơi tựa về phía bên trái. Khuôn mặt nhìn thẳng vào cơn dông chốc chốc lại được dội lên từng làn chớp lóe. Nhưng người điện báo chẳng nhìn được chút gì trên khuôn mặt ấy. Anh không sao hiểu thấu mọi tình cảm dồn ép lên khuôn mặt ấy để đương đầu với một trận bão: cái bừa môi, cái ý chí, cái giận hờn, mọi

cái gì đang đổi trao trên bản chất giữa khuôn mặt xanh rớt ấy và những lóe sáng năng ngủ đặng kia.

Anh vẫn cứ đoán được thấy cái sức mạnh gom lại trong cái bóng hình im phăng phắc ấy, và anh thấy yêu nó. Cái bóng ấy chắc là đang lôi anh về phía cơn dông, nhưng nó cũng che chở cho anh. Chắc là đôi bàn tay nắm chặt cần điều khiển kia đã ghìm được cơn bão như ghìm được gáy con thú, thế nhưng đôi vai đầy sức mạnh vẫn không nhúc nhích, và ta đã cảm thấy ở đó một sức dự trữ sâu xa.

Người điện báo viên nghĩ rằng, xét đến cùng, kẻ chịu trách nhiệm là người lái. Và giờ đây, ngồi bám phía sau phi nước đại về nơi có đám cháy, anh khoan khoái thường thức cái hình thù âm thầm phía trước mặt mình khi thấy nó biểu hiện thành sức vật chất, thành cái có trọng lượng, thành cái gì lâu bền.

Mé trái, yếu ớt như một ngọn hải đăng ẩn hiện, lại một lò lửa mới sáng bừng lên.

Người điện báo khẽ giơ tay đụng vào vai Fabien để bảo cho anh ta, nhưng chỉ thấy anh từ từ quay đầu hướng mặt vài giây về kẻ địch mới xuất hiện ấy, sau rồi lại chậm chậm trở về tư thế cũ. Đôi vai ấy luôn luôn không nhúc nhích, cái gáy ấy áp sát lớp da trên ghế.

Rivière ra phố đi bộ một chút cho tạm nguôi cái nôn nao khó chịu đã trở lại, và ông ta, con người chỉ sống vì hành động, một thứ hành động đầy tính bi tráng, giờ đây đang cảm thấy tấn bi kịch đang dịch chuyển đến kỳ lạ, đang trở thành tấn bi kịch riêng tư. Ông nghĩ bụng rằng xung quanh các quán âm nhạc, những người thị dân bé nhỏ của các thành phố nhỏ bé, đang sống cuộc đời bề ngoài phẳng lặng nhưng đôi khi cũng chất chứa đầy những tấn kịch: bệnh tật, tình yêu, tang tóc, và rất có thể: cơn đau của riêng ông dạy ông vô khối điều: “Nó mở toang một vài cửa sổ”, ông nghĩ trong lòng.

Sau đó, khoảng mười giờ đêm, khi đã thờ ơ hơn, ông lại đi bộ về văn phòng. Ông lấy vai từ từ rẽ đám đông tù đọng trước cửa vào các rạp chiếu phim. Ông ngược mắt lên các vì sao long lanh trên con đường hẹp, gần như bị xóa bởi các tấm quảng cáo con tàu thư đang bay, ta trở thành kẻ có trách nhiệm trước cả một vùng trời. Ngôi sao kia là dấu hiệu đang tìm ra trong đám đông này, và nó tìm thấy ta; chính vì vậy mà ta cảm thấy đôi chút xa lạ, đôi chút cô đơn”.

Ông chợt nhớ lại một câu nhạc: vài nốt của bản Xonát ông ta nghe bữa qua cùng bạn hữu. Các bạn ông không hiểu: “Cái nghệ thuật này làm chúng tôi phát ngấy và làm cho anh phát ngấy, có điều là anh không thú nhận”.

- Có thể lắm... - ông ta trả lời vậy.

Bữa qua, cũng như đêm nay, ông thấy mình cô đơn, nhưng ngay lập tức ông nhận ra sự phong phú của một nỗi cô đơn dường ấy. Tín hiệu gửi đi từ thứ âm nhạc đó đã đến được với ông, chỉ đến với riêng ông giữa những con người tầm thường, với vẻ dịu dàng của một điều kín đáo riêng tư. Cái dấu hiệu ngôi sao cũng như vậy. Qua bấy nhiêu cái vai, có ai đó nói cùng ông một ngôn ngữ chỉ riêng ông nghe được.

Trên vỉa hè mọi người chen lấn ông; ông còn nghĩ tiếp: “Ta sẽ không cúi gập. Ta giống một người cha có đứa con ốm, đang đi từng bước ngăn giữa

đám đông. Người cha ấy mang trong lòng cái yên lặng lớn lao của cả căn nhà mình”.

Ông đưa mắt ngược nhìn mọi người. Ông cố tìm để nhận ra những người trong bọn họ, những ai đang đi từng bước ngắn và dắt theo họ điều sáng tạo hoặc tình yêu, và ông mơ màng nghĩ đến cảnh xa cách của những người canh đèn biển.

Ông thấy hài lòng trước không khí im ả của các bàn giấy. Ông chậm rãi đi ngang lần lượt từng phòng và tiếng bước chân ông vang lên lè loi. Những chiếc máy chữ nằm ngủ yên dưới những túi vai chòm. Những tủ lớn đóng kín che đậy các tập hồ sơ ngăn nắp. Mười năm kinh nghiệm và lao động. Ông chợt nghĩ mình đang đi thăm những căn hầm nhà ngân hàng; đó là nơi chứa nặng của cải. Ông nghĩ bụng, mỗi tập trong đống hồ sơ kia còn tích lũy nhiều hơn cả vàng, một sức mạnh đang sống. Một sức mạnh đang sống nhưng lại ngà ngà ngủ, cũng giống như vàng của các ngân hàng.

Ở đâu đây rồi ông sẽ gặp người nhân viên duy nhất đang trực đêm. Một con người đang làm việc ở đâu đây để cho cuộc sống được liên tục, cho ý chí được liên tục, và cứ như vậy từ trạm dừng này qua trạm dừng khác, để cho từ Toulouse đến Boenos – Aires chuỗi mắt xích không khi nào bị đứt.

“Con người ấy không biết mình cao đẹp”.

Những con tàu thư đang vật lộn ở đâu đây. Ban đêm kéo dài như bệnh tật: cần phải thức canh. Cần phải hỗ trợ những con người kia đang dùng bàn tay và đầu gối, ngực kề ngực, đương đầu với bóng tối, và họ chẳng biết gì nữa, họ chẳng biết gì hết ngoài những sự vật nổi trội, vô hình; và phải dùng sức mạnh những cánh tay mù đặc tự kéo mình thoát ra như ra khỏi biển. Đôi khi có những lời thú nhận khủng khiếp biết bao: “Tôi phải rọi sáng vào hai bàn tay để nhìn thấy chúng...” Chết nhưng những bàn tay chỉ hiện hình khi tắm ánh sáng màu đỏ thợ ảnh. Đó là chút gì còn lại của thế giới này và phải cứu vãn lấy.

Rivière đẩy tấm cửa mở vào phòng khai thác. Đọc một ngọn đèn thấp sáng ở một góc tạo thành một bãi biển sáng. Tiếng lách cách của chiếc máy

chữ duy nhất làm cho cái yên lặng càng nổi bật, cái yên lặng vẫn chẳng bị lấp đầy. Thỉnh thoảng chuông điện thoại rung lên; người nhân viên trực đứng dậy, đi tới tiếng gọi gấp gáp, dai dẳng, buồn bã ấy. Người nhân viên trực nhắc ống nghe lên và nỗi lo âu vô hình cũng dịu đi: đó là một cuộc chuyện trò rất êm dịu ở một góc bóng tối. Sau đó, vẫn thản nhiên, người đó trở lại bàn giấy, khuôn mặt khép kín vì cô đơn và buồn ngủ, che giấu một điều bí mật không sao phân giải nổi. Một tiếng gọi vọng tới từ bóng đêm ngoài kia, khi có hai con tàu thư đang bay, đem lại một cái gì đe dọa? Rivière nghĩ tới những tờ điện tín đến với các gia đình vào lúc đã lên đèn, rồi nghĩ tới nỗi tai họa trong những giây đồng hồ hầu như thành vĩnh viễn, đọng lại thành một bí ẩn trên gương mặt người cha. Chỉ có làn sóng điện thoại đầu chẳng có một ly sức mạnh, yên tĩnh đến thế, xa xăm đến thế so với tiếng kêu đã bật lên. Vậy mà mỗi lần Rivière đều nghe được âm vang yếu ớt của nó trong tiếng chuông điện thoại kín đáo kia. Và, mỗi lần, nhìn những cử động của người nhân viên trực mà cảnh cô đơn đã làm cho thành chậm chạp như người bơi giữa hai luồng nước, rồi sau đó từ vùng tối trở lại chỗ có ánh đèn như người hụp lặn ngoi lên, Rivière đều thấy những cử động của anh ta như thể nặng trĩu những bí mật.

- Cứ ngồi đó. Để tôi nghe.

Rivière nhắc ống nghe, nhận lấy tiếng vo ve của đời.

- Rivière đây.

Một vài tiếng xôn xao nhỏ nhỏ, rồi một tiếng nói rành rọt:

- Ông nói chuyện với trạm vô tuyến điện.

Lại xôn xao nữa, tiếng xôn xao của cái phích cắm vào tổng đài, rồi một tiếng nói khác:

- Trạm vô tuyến điện đây. Chúng tôi thông báo tới ông các bức điện.

Rivière ghi lại và gật gật đầu.

- Được... được...

Không có chuyện gì quan trọng. Những bức điện định kỳ về công việc. Rio-de-Janeiro hỏi xin một chỉ dẫn. Montevideo báo cáo thời tiết, và

Mendoza về vật liệu. Đó là những tiếng ồn quen thuộc trong công ty.

- Còn các tàu thư?

- Trời đầy đông. Chúng tôi không nghe thấy các máy bay.

- Được.

Rivière mơ màng nghĩ, ở đây trời đêm quang quẻ, sao lấp lánh, vậy mà những người nhân viên điện tín – điện báo vẫn thấy ở đó hơi thở của những cơn đông nơi xa xăm.

- Lát nữa gặp lại.

Rivière đứng lên, người nhân viên đến gần ông:

- Thưa ông, công văn để xin ông ký...

- Được rồi.

Rivière cảm thấy vô cùng thân thiết với con người ấy, con người cũng đang gánh nặng bóng đêm trên vai. “Một người bạn chiến đấu, ông nghĩ bụng. Hẳn không khi nào anh ta biết rằng đêm trực này gấn bó chúng ta biết bao.”

9

Trong lúc trở lại văn phòng riêng, tay cầm một tập giấy, Rivière chợt thấy đau nhói ở mạng sườn bên phải, nó hành ông đã mấy tuần rồi.

“Hồng rồi...”

Ông tựa vào tường một lát:

“Kỳ cục thật”.

Rồi ông đi đến được chiếc ghế bành.

Lại một lần nữa, ông thấy mình bị trói như một con sư tử già, và ông thấy buồn vô hạn.

“Biết bao công việc đã làm để đi đến cái bước này! Năm chục tuổi đời; năm mươi năm mình đã sống đủ đầy, đã tự đào tạo, đã đấu tranh, đã làm đổi dòng các biến cố, để bây giờ đây, điều mình bận tâm và chất chứa và được coi là quan trọng bậc nhất trên đời... Thật là kỳ cục”.

Ông nán đợi, lau một chút mồ hôi, rồi khi đã dứt cơn, ông lại làm việc.

Ông từ từ xem xét các công văn.

“Khi tháo mô-tơ số 301 tại Buenos – Aires, chúng tôi nhận thấy... chúng tôi sẽ có hình phạt nặng với người chịu trách nhiệm”.

Ông ký.

“Trạm dừng Florianopolis do chỗ không thực hiện đúng các chỉ dẫn...”

Ông ký.

“Chúng tôi sẽ chuyển để thi hành kỷ luật ông Richard phụ trách bãi bay vì...”

Ông ký.

Sau đó, do chỗ đau bên sườn dù đã dịu đi nhưng vẫn hiện diện trong con người ông và mới mẻ như một ý nghĩ mới của cuộc đời, nó buộc ông phải nghĩ đến bản thân, ông dường như trở nên chua chát.

“Ta công bằng hay bất công? Không biết. Nếu ta cứng rắn, các hồng hóc giảm hẳn, kẻ chịu trách nhiệm không phải là con người, nó giống như một

thể lực tối tăm không khi nào con người đựng tới được nếu không đựng chạm tới mọi người. Nếu ta hết sức công bằng, mỗi chuyến bay đêm sẽ là một khả năng chết chóc”.

Ông chợt thấy một chút mệt mỏi vì đã vạch ra con đường ấy một cách cứng rắn đến thế. Ông nghĩ rằng tình thương là điều tối đẹp. Tay ông vẫn giữ đều những tờ công văn trong lúc ông vẫn đắm chìm trong mơ tưởng:

“... còn với Roblet, kể từ ngày hôm nay, sẽ không còn là người trong đội ngũ nhân viên chúng ta nữa”.

Ông nhớ lại ông già phúc hậu đó và cuộc nói chuyện bữa chiều:

- Biết làm thế nào, đã nói đến làm gương thì phải làm gương.

- Nhưng thưa ông... thưa ông... Mới có một lần, một lần duy nhất, ông nghĩ coi! Và tôi đã làm việc suốt cuộc đời!

- Cần phải nêu một tấm gương.

- Nhưng, thưa ông!... Xin ông coi, thưa ông!

Thế rồi có cái ví tàng kia cùng tờ báo cũng kia trong đó có hình Roblet trai trẻ đứng chụp cạnh một chiếc máy bay.

Rivière nhìn thấy đôi bàn tay già nua run rẩy trên cái vinh quang thơ ngây ấy.

- Đây là từ hồi 1910, thưa ông... Chính tôi đã lắp ở đây chiếc máy bay đầu tiên của Argentina! Nghề hàng không từ năm 1910... Thưa ông, hai mươi năm rồi! Vậy, làm sao ông có thể bảo rằng... Còn bọn thanh niên nữa, thưa ông, họ sẽ cười đến thế nào ở xưởng!... Ôi chao, họ sẽ được mé cười.

- Điều đó tôi không quan tâm.

- Còn con cái tôi nữa, thưa ông, tôi còn con cái!

- Tôi đã nói với ông rồi: tôi mời ông xuống làm lao công.

- Tư cách của tôi, thưa ông, còn tư cách của tôi chứ? Ồ, thưa ông, hai mươi năm trong nghề hàng không, một công nhân già như tôi.

- Làm lao công.

- Tôi từ chối, thưa ông, tôi từ chối.

Và đôi bàn tay già nua run lên và Rivière quay đi không nhìn làn da nhăn nheo, đầy đặn và đẹp ấy.

- Làm lao công.

- Không, thưa ông, không.. Tôi muốn nói thêm với ông...

- Ông có thể lui.

Rivière nghĩ bụng: “Không phải con người ấy bị ta thải hồi phũ phàng như vậy, ta thải hồi cái căn bệnh rất có thể không do ông ta gây a nhưng nó truyền qua con người ấy”.

“Bởi vì các biến cố, con người phải chỉ huy chúng, Rivière nghĩ, và chúng vâng theo con người, khi ấy con người sáng tạo. Và con người cũng là những sự vật đang thương, chúng cũng được tạo dựng lên. Hoặc giả gạt bỏ chúng đi khi căn bệnh truyền qua chúng”.

“Tôi muốn nói thêm với ông...” Ông già tội nghiệp ấy muốn nói gì? Rằng đã bị dứt bỏ mất những niềm vui xưa cũ. Rằng ông ta yêu thương âm thanh những đồ nghề va vào thép máy bay, rằng cuộc đời ông ta đã bị tước mất chất thơ to tát, và... ông ta cần phải sống?

“Ta mệt mỏi qua rồi”, Rivière nghĩ. Cơn sốt như ve vuốt dâng cao trong con người ông. Ông vỗ vỗ tay vào tờ giấy và nghĩ: “Mình vẫn thật yêu quý gương mặt người bạn nghề nhiều tuổi ấy...” Và Rivière lại nhìn thấy đôi tay ấy. Ông nghĩ đến lúc thấy đôi bàn tay đó có lẽ sẽ phác một cử động yếu ớt để chấp lại nhau. Có lẽ ông chỉ cần nói: “Được rồi... Được rồi, ông ở lại”. Rivière mơ màng nghĩ tới niềm vui tuôn chảy dần xuống đôi bàn tay già nua kia. Và cái niềm vui sẽ được nói lên, sắp được nói lên không từ gương mặt kia mà từ đôi bàn tay thợ già nua kia, niềm vui ấy đối với ông là điều đẹp nhất trên đời. “Hay là ta xé tờ công văn này?” Và gia đình của bác thợ già, và tối nay khi bác về nhà, và niềm kiêu hãnh bé mọn kia?

- Sao? Họ giữ lại chứ?

- Chứ gì? Chứ gì nữa? Chính là ta đã lắp chiếc máy bay đầu tiên của Argentina!

Và bọn trẻ hẳn sẽ không cười nữa, cái uy tín kia đã được con người kỳ cựu dành giết lại...

“Xé đi chẳng?:

Điện thoại réo chuông. Rivière nhắc ống nghe.

Một thời gian đợi dài, rồi là cái thứ âm vang, rồi là cái thứ sâu thẳm được tiếng gió và không gian rộng lớn đem lại cho tiếng nói con người. Sau rồi có người nói:

- Bãi bay đây. Ai nghe điện đó?

- Rivière.

- Thưa ông giám đốc, chiếc 650 đang trên đường băng.

- Được.

- Thế là đã xong xuôi cả, nhưng đến phút cuối cùng chúng tôi phải sửa lại mạng điện vì những mối nối bị hỏng.

- Được. Ai lắp mạng điện?

- Chúng tôi sẽ kiểm tra lại. Nếu ông cho phép, chúng tôi sẽ có hình thức kỷ luật: hỏng ánh sáng trên tàu thì có thể trầm trọng đấy!

- Dĩ nhiên.

Rivière nghĩ bụng: “Nếu con người không nhổ rễ cái xấu bất kỳ ở đâu khi bắt gặp nó thì sẽ xảy ra hỏng ánh sáng: không đánh vào cái xấu là một trọng tội, khi cái xấu tình cờ phát hiện ra công cụ của nó. Roblet sẽ phải ra đi”.

Người nhân viên vẫn cầm cúí đánh máy chẳng để ý gì.

- Gì vậy?

- Bản quyết toán nửa tháng.

- Vì sao chưa xong?

- Tôi...

- Sẽ xét lại việc này.

“Thật là kỳ khôi khi không chi phối nổi các biến cố, khi để xuất hiện cái thế lực đen tối lớn lao, chính cái thế lực ấy đang xua dẩy những khu rừng hoang dại, nó đang lớn lên, nó đang xô lấn, nó đang rỉ ra từ khắp nơi xung quanh những sự nghiệp to tát lớn lao”. Rivière nghĩ tới những đền đài đã bị những dây leo bé tí làm sụp đổ.

“Một sự nghiệp lớn...”

Ông nghĩ thêm để tự trấn an: “Tất cả những con người kia ta đều yêu thương, nhưng ta không đả phá họ. Chỉ là cái gì truyền qua họ...”

Tim ông đập nhanh khiến ông đau đớn.

“Ta không biết điều ta làm có phải là tốt hay không. Ta không biết rõ cái giá trị đích xác của kiếp người, của công lý cũng như của nỗi phiền muộn. Ta không biết đích xác niềm vui của con người có nghĩa lý gì. Không biết cả về một bàn tay đang run rẩy. Cả tình thương, cả sự dụi dàng...”

Ông mơ màng.

“Cuộc sống vẫn bấp bênh chất chường. Con người tìm mọi cách vật lộn giành giật với cuộc sống... Thế nhưng, còn việc tồn tại lâu bền, còn việc sáng tạo, còn việc đổi trao cái thần xác mềm yếu mỏng manh của mình...”

Rivière ngẫm nghĩ, rồi bấm chuông gọi:

- Gọi đây nói cho phi công tàu thư đi châu Âu. Bảo anh ta đến gặp tôi trước khi lên đường.

Ông nghĩ:

“Phải làm sao cho tàu thư ấy không lộn lại nửa đường một cách vô ích. Nếu ta không rầy la cấp dưới, đêm tối sẽ luôn luôn hù dọa họ”.

Vợ người lái máy bay thức giấc vì tiếng điện thoại, nhìn chồng và nghĩ:

“Ta để anh ấy ngủ thêm chút nữa”.

Nàng chiêm ngưỡng tấm ngực để trần kia, giống cái bụng con tàu trơn bóng, nàng nghĩ tới một con tàu đẹp.

Anh nằm đó trong chiếc giường yên tĩnh như nằm trong bến cảng, và để cho không có gì khuấy động giấc ngủ người chồng, nàng khẽ lấy ngón tay xóa một vết nhàu, một bóng tối, một con sóng lừng, nàng làm cho cái giường nằm kia yên tĩnh như thể nàng lấy ngón tay thiên thần làm cho mặt biển kia yên tĩnh.

Nàng đứng dậy, ra mở cửa sổ và nhận làn gió ủa vào mặt. Căn phòng này cao chót vót trên thành phố Buenos – Aires. Từ một căn nhà bên cạnh người ta đang nhảy nhót vọng tới theo làn gió một vài giai điệu, vì lúc này là thời khắc hưởng thụ và nghỉ ngơi. Thành phố này siết chặt con người trong trăm nghìn pháo đài; khắp nơi yên tĩnh và yên ổn; nhưng thiếu phụ kia cứ ngỡ đâu như người ta sắp hô: “Sẵn sàng vũ khí!” và chỉ có một con người, người đàn ông của riêng nàng, sẽ vùng dậy mà thôi. Anh vẫn đang còn nằm đó, nhưng cái nghỉ ngơi của anh là cái nghỉ ngơi đáng gờm của những sức dự trữ rồi sẽ được bung ra. Cái thành phố yên giấc này không che chở cho anh: ánh sáng của nó đối với anh thật vô tích sự một khi chàng thiên thần trẻ trung sẽ vươn mình đứng dậy từ đám bụi ánh sáng ấy. Nàng nhìn đôi cánh tay anh chắc nịch chỉ một giờ nữa gánh chịu số phận con tàu thư đi châu Âu, mang trách nhiệm một cái gì vĩ đại, tựa như số phận của một thành phố. Và nàng thấy lòng xôn xao. Con người kia, chỉ một con người kia giữa triệu con người, được chuẩn bị cho cuộc hy sinh kỳ lạ ấy. Nghĩ đến đó nàng thấy lòng phiền muộn: Anh cũng tuột ra khỏi tấm lòng nàng dịu dàng. Nàng đã nuôi dưỡng anh, nâng giấc anh và ve vuốt anh, không để cho riêng mình mà cho cái đêm đen sắp cướp đoạt chàng đi. Cho những trận đấu, cho những lo âu, cho những chiến thắng nàng chẳng hề hay biết. Đôi bàn tay dịu mềm kia chỉ mới là đôi bàn tay được thuần dưỡng và

không sao biết rõ chúng làm những công việc đích thực nào. Nàng đeo nặng lên anh những mối dây thắm thiết: bằng âm nhạc, bằng tình yêu, bằng hoa; thế rồi, đến giờ mỗi chuyến ra đi, những dây mối kia buột ra rơi rụng sạch và anh chẳng tỏ ra chút gì đau khổ.

Anh mở mắt.

- Mấy giờ rồi?

- Mười hai giờ đêm.

- Thời tiết ra sao?

- Em không rõ...

Anh dậy. Anh bước thong thả về phía cửa sổ, vừa đi vừa vờn vai.

- Mình sẽ không bị lạnh lắm. Gió thổi hướng nào ấy nhỉ?

- Làm sao em biết được...

Anh nhào người ra:

- Nam. Tốt lắm. Ít ra cũng đưa gió Nam cho tới tận Brazin.

Anh nhận ra trời có trăng và thấy mình đầy vàng. Sau đó anh nhìn xuống thành phố.

Anh không nghĩ rằng nó dịu ngọt, hoặc rục rờ hoặc ấm áp. Ngay từ lúc này anh đã thấy ánh sáng đó như cát trôi tuột đi vô vọng.

- Anh nghĩ gì vậy?

Anh nghĩ trời có thể mù ở mạn Porto Allegre.

- Anh có chiến thuật riêng. Anh biết lối đi vòng.

Anh vẫn nhào người ra. Anh hít thở sâu như trước khi lao trần truồng xuống biển.

- Nom anh chẳng có vẻ gì là buồn cả... Anh đi bao nhiêu hôm?

Tám, mười ngày. Anh không biết được. Buồn thì không; vì lẽ gì chứ? Những đồng bằng kia, những núi non kia... Dường như anh ra đi thanh thản để chiếm lĩnh những cái đó. Anh cũng nghĩ rằng trong vòng một giờ nữa thôi, anh sẽ chiếm đoạt được Buenos – Aires rồi quăng nó trả lại.

Anh mỉm cười:

- Thành phố này... anh sẽ xa nó nhanh lắm. Ra đi vào lúc đêm thật tuyệt. Kéo cái cần mở ga, mặt hướng về phương Nam, rồi mười giây sau lại đảo ngược cánh vật, hướng về phương Bắc. Thành phố chỉ còn là một vùng đáy biển.

Nàng nghĩ tới mọi thứ anh cần vứt bỏ lại để đi chinh phục.

- Anh không yêu ngôi nhà mình?

- Anh yêu ngôi nhà của anh...

Nhưng ngay lúc ấy vợ anh cảm thấy anh đang bước đi. Đôi vai rộng kia đã tì sát lên trời rồi.

Nàng chỉ bầu trời cho anh coi.

- Anh có trời đẹp, đường anh đi lát đầy sao.

Anh cười:

- Ừ!

Nàng đặt bàn tay lên cái vai đó và xúc động thấy nó ấm nóng: vậy là cái da thịt này cũng bị đe dọa sao?

- Anh rất mãnh liệt, nhưng anh hãy thận trọng!

- Thận trọng, dĩ nhiên rồi...

Anh lại cười nữa.

Anh mặc quần áo. Anh chọn cho ngày vui này những hàng vải cứng nhất, tấm áo da nặng nhất, anh ăn vận như bác nhà quê. Anh càng nặng nề, nàng càng chiêm ngưỡng anh. Tự tay nào khóa chiếc dây lưng kia, kéo đôi ủng kia.

- Đôi ủng này làm anh vướng víu.

- Có đôi khác kia.

- Em tìm cho anh sợi dây buộc đèn dự phòng.

Nàng nhìn anh. Tự tay này sang sửa chỗ xộc xệch cuối cùng trong bộ áo giáp: mọi thứ đều ăn khớp đâu ra đấy.

- Anh đẹp lắm.

Nàng thấy anh chải tóc cẩn thận.

- Để cho các vì sao ngắm à?

- Để không có cảm giác mình già.

- Em ghen đấy...

Anh lại cười, hôn nàng và ôm chặt nào vào lớp áo quần nặng trĩu. Rồi vươn thẳng cánh tay anh nhắc bổng nàng lên như nâng một bé gái và vừa cười vừa đặt nàng lên giường.

- Ngủ đi!

Rồi đóng cửa lại phía sau lưng, anh đi ra phố, lẫn giữa những con người không rõ hành tung, hoạt động về đêm, anh nện bước đầu tiên trên con đường chinh phục.

Nàng ở lại. Nàng nhìn buồn bã những hoa kia, những sách nọ, cảnh ấm êm kia, tất cả đối với anh chỉ còn là một vùng sâu dưới biển.

Rivière đón anh:

- Chuyến bay vừa rồi anh đã giở trò chơi khăm tôi. Anh đã cho máy bay quay lại khi tình hình khí tượng tốt: lúc đó anh có thể đi được. Anh sợ hử?

Bị bất ngờ, người phi công im lặng. Anh chậm rãi xoa hai bàn tay vào nhau. Rồi anh ngẩng đầu lên, nhìn thẳng vào mặt Rivière:

- Vâng.

Trong đáy lòng, Rivière thấy thương hại chàng trai dũng cảm đến thế mà lại đã phát hoảng. Người phi công tìm cách biện bạch.

- Lúc đó tôi chẳng còn nhìn thấy gì nữa. Dĩ nhiên, bay xa nữa... rất có thể.. Vô tuyến điện cho biết... Nhưng đèn trên khoang tàu yếu đi, tôi chẳng còn nom thấy bàn tay mình nữa. Tôi định tắt đèn hiệu để ít ra cũng nhìn thấy cánh máy bay: vẫn mù mịt. Tôi thấy như mình ở đáy một hố sâu khó mà leo lên nổi. Lúc đó động cơ lại rung lên.

- Không đúng.

- Không đúng?

- Không đúng. Liền đó chúng tôi đã xem lại động cơ. Hoàn toàn tốt. Nhưng bao giờ cũng thế, đã phát hoảng là thấy động cơ rung ngay.

- Ai mà chẳng sợ! Núi sừng sững. Định lấy độ cao thì gặp những luồng khí xoáy. Ông biết đó, khi mặt mù tịt... các luồng khí xoáy... Đáng lẽ bốc lên thì trái lại bị tụt xuống trăm mét. Không nhìn thấy cả máy đo hồi chuyển, cả các máy đo áp lực. Tôi cảm thấy chế độ động cơ bị giảm, nóng lên, áp lực dần tụt xuống... Mọi điều đó diễn ra trong bóng tối, như một cơn bệnh. Được thấy lại một thành phố sáng đèn, tôi thật sự hài lòng.

- Anh giàu tưởng tượng quá. Xong rồi.

Và người lái bước ra.

Rivière ngồi tụt trong ghế bành, đưa tay lùa vào bộ tóc đã hoa râm.

“Đó là con người dũng cảm nhất trong đám quân của ta. Thành tích của anh ta đêm đó rất đẹp, nhưng ta cứu hãn khỏi nỗi sợ...”

Sau đó, khi thấy mình sắp bị một cơn yếu đuối:

“Để được người khác yêu mình, chỉ cần võ vè. Mình thì không võ vè, hoặc mình che giấu cái đó đi. Tuy vậy ta những muốn quanh ta là tình bạn và sự hiền dịu mang tính người. Một viên thầy thuốc khi hành nghề bắt gặp được những điều đó. Nhưng ta lại chỉ phục vụ biến cố. Ta phải rèn luyện con người để họ phục vụ các biến cố. Hàng ngày khi chiều tối, ngồi trong văn phòng trước các tờ lộ trình, sao mà ta cảm nhận rõ ràng cái quy luật tối om ấy đến thế. Nếu ta tự buông thả, nếu ta bỏ mặc các biến cố sắp đặt kỹ càng được buông trôi thả lỏng, khi ấy các tai họa sẽ nảy sinh, bí ẩn. Tựa hồ như riêng ý chí của ta đủ sức ngăn máy bay khỏi vỡ tan trên đường bay, hoặc làm cho cơn bão không kìm chậm được con tàu đang tiến bước. Đôi khi ta ngạc nhiên trước quyền lực của mình”.

Ông lại ngẫm nghĩ:

“Điều đó có lẽ cũng rõ ràng dễ hiểu. Nó giống cuộc đấu tranh muôn đời của người làm vườn trên thảm cỏ. Sức nặng của bàn tay trần ép cánh rừng nguyên thủy lúc nào cũng được đất hầu đẩy ngoi lên phải chúi sâu vào lòng đất”.

Ông nghĩ tới người phi công.

“Ta đã cứu hấn khỏi nỗi sợ hãi. Ta không đánh vào con người ấy, mà qua đó hấn ta đánh vào cái sức chống đỡ làm con người bị tê liệt khi gặp điều chưa biết. Nếu ta lắng nghe hấn biện hộ, nếu ta thương hại hấn, nếu ta coi cuộc phiêu lưu của hấn là quan trọng, hấn sẽ ngỡ rằng hấn từ xứ sở huyền bí mới trở về, và điều con người sợ hãi chính là cái huyền bí. Cần phải cho con người xuống giếng sâu ấy rồi ngoi lên và nói rằng họ chẳng bắt gặp điều gì hết. Cần phải cho con người ấy đi vào tận sâu thăm, tận đen đặc bóng đêm, thâm chí trong tay không có cả ngọn đèn thợ mỏ bé xíu chỉ đủ soi đôi tay hoặc cánh máy bay, mà chỉ dùng đôi vai trần hích đẩy vào cái vô định”.

Tuy nhiên, trong cuộc đấu tranh, một tình thân hữu thâm lặng từ sâu trong lòng họ đã gắn bó Rivière với các phi công. Đó là những con người

trên cùng một con tàu, cùng có một nguyện ước là chiến thắng. Song Rivière cũng nhớ tới các trận đánh khác anh đã tiến hành để chinh phục đêm tối.

Trong các giới chính thức, người ta kiêng sợ cái lãnh thổ tối tăm đó như kiêng sợ rừng rậm không vết chân người. Tung ra một tổ bay với tốc độ hai trăm kilomoet một giờ hướng tới đông tối, sương mù và những chướng ngại vật chất chứa đưng kín đáo trong bóng đêm, họ quan niệm hành động phiêu lưu đó có thể chấp nhận đối với ngành hàng không quân sự: bốc khỏi bãi bay vào đêm trời trong, ném bom xong rồi trở về đúng bãi bay ấy. Nhưng các công vụ đều đặn về đêm hẳn sẽ bị thất bại. “Đối với chúng tôi đây bị thua phương tiện xe lửa và tàu thủy đoạn đường họ vượt suốt ban ngày”.

Lòng ngao ngán Rivière đã để tai nghe nó về các thống kê, về bảo hiểm, nhất là về công luận: “Dư luận công chúng... Rivière đập lại, ta phải điều khiển nó!” Ông nghĩ bụng: “Phí phạm bao nhiêu thời giờ! Còn có cái gì đó... cái gì đó cao hơn tất cả những thứ ấy. Cái gì đang sống thực xô lấn tất cả để sống và tạo ra những quy luật của riêng mình để sống. Đó là điều không gì cưỡng lại nổi”. Rivière không biết vào lúc nào và bằng cách nào ngành hàng không thương mại sẽ bắt đầu bay đêm, nhưng cần phải chuẩn bị cho giải pháp tất yếu đó.

Ông nhớ lại những tấm thảm trải bàn xanh lục, ông ngồi trước, nắm tay tì đỡ lấy cái cằm, tai lắng nghe đủ điều phản đối, và trong lòng ông là một cảm giác kỳ lạ về sức mạnh. Ông thấy những điều phản đối ấy thật vô tích sự vì cuộc sống đã kế án chúng sẵn rồi. Và ông thấy sức mạnh của chính mình dồn lại trong người như một quả tạ: “Lý lẽ của ta có sức nặng, ta sẽ thắng, Rivière nghĩ bụng. Đó là xu hướng tự nhiên của các biến cố”. Khi người ta đòi ông đưa ra những giải pháp hoàn chỉnh khả dĩ ngăn ngừa được mọi nguy biến: “Thực nghiệm sẽ làm lộ ra các quy luật, ông đáp lại, không khi nào nhận ra các quy luật trước khi có thực nghiệm”.

Sau một năm phấn đấu dai dẳng Rivière đã thắng. Người này nói: “Đó là nhờ vào niềm tin của ông ta”, người khác: “Đó là nhờ ông ta kiên trì, nhờ

sức mạnh của con gấu đang tiến bước”, nhưng theo ông, đơn giản hơn nhiều, đó là vì ông đi đúng hướng.

Nhưng lúc ban đầu biết bao là thận trọng! Máy bay chỉ cất cánh một tiếng đồng hồ trước khi trời sáng, chỉ hạ cánh một tiếng đồng hồ sau khi mặt trời lặn. Khi Rivière tự coi mình đã có kinh nghiệm vững vàng hơn, chỉ khi ấy ông mới dám đẩy các con tàu thư vào những miền sâu đêm tối. Mới được mọi người đi theo thôi, và hầu như không ai công khai thú nhận, giờ đây ông vẫn còn đang chiến đấu đơn độc.

Rivière bấm chuông đòi xem những bức điện mới nhất gửi từ các máy bay đang bay.

Trong lúc ấy, tàu thư Patagonie tiến đến gần cơn dông, và Fabien không chịu bay theo đường vòng tránh né. Anh ước lượng cơn dông quá rộng lớn, vì những tia chớp cắm sâu vào bên trong miền đất và để lộ ra vô vàn pháo đài mây. Anh định thử bay thấp dưới cơn dông và nếu như tình hình tồi tệ thì mới quyết định quay lui.

Anh xem đồng hồ chỉ độ cao: một nghìn bảy trăm mét. Anh ấn mạnh các lòng bàn tay vào cần điều khiển để bắt đầu giảm độ cao. Động cơ rug rất mạnh và máy bay rung lên. Fabien áng chừng sửa lại góc hạ máy bay và kiểm tra lại trên bản đồ chiều cao của những quả đồi: năm trăm mét. Để giữ một khoảng cách an toàn, anh sẽ bay vào khoảng độ cao bảy trăm.

Anh hy sinh độ cao như người ta chơi trò cầu may.

Một luồng khí xoáy đẩy chú máy bay xuống, nó rung càng mạnh. Fabien thấy mình bị đe dọa vì những cơn núi lở vô hình. Anh mơ màng thấy mình đang quay lui và thấy lại trăm nghìn vì sao, nhưng anh vẫn không rẽ ngang một góc độ nào.

Fabien tính toán các khả năng: rất có thể đây chỉ là cơn dông trong khu vực, vì trạm dừng Trelew kể đó báo tin bầu trời kín mây ba phần tư. Chỉ cần sống không đầy hai mươi phút trong khối bê tông đen ngòm ấy. Mặc dùn qua bên trái đón lấy những làn gió ập mạnh, anh cố đoán định những luồng ánh sáng lơ mờ chuyển dịch ngay cả vào những đêm dày đặc nhất. Nhưng đó không còn là những luồng sáng nữa. Trong bóng tối dày đặc, hầu như chỉ là sự thay đổi độ đậm nhạt, hoặc giả mắt mệt mỏi nên đã nhìn thấy thế.

Anh mở mẫu giấy của người điện báo:

“Chúng mình đang bay ở đâu?”

Fabien những muốn trả giả đăt để biết điều đó. Anh đáp: “Tôi không rõ. Chúng mình đang vượt ngang một cơn dông, dựa theo la bàn”.

Anh nhào người ra nữa. Tia lửa xả ở máy ra làm anh vướng mắt, nó bám vào động cơ như một bó hoa lửa, màu nhạt đến nỗi chỉ cần có ánh trăng rọi

và là tắt ngấm. Nhưng lúc này giữa chốn hư không nó thu hút toàn bộ miền mắt nhìn thấy được. Anh nhìn ngọn lửa đó. Gió làm cho nó quện chặt lại, nom như anh lửa bó đuốc.

Ba mươi giây một lần, để kiểm tra máy đo hồi chuyển la bàn, Fabien lại rúc đầu vào buồng lái. Anh chẳng dám thắp những bóng đèn đỏ yếu ớt, chúng làm mắt anh bị lóa giây lâu, nhưng tất cả các công cụ có chữ số dạ quang lại tỏa ra một thứ ánh sáng nhợt nhạt của các thiên thể. Ở đó, giữa những cây kim và chữ số, người lái cảm thấy một cách an toàn lừa dối: cái an toàn của buồng lái con tàu thủy bị sóng nước tràn qua. Đêm tối và mọi thứ gì đêm tối mang theo, những mòm đá, những vật trôi dạt, những quả đồi, cứ như thể chảy ngược đập vào con tàu với sức định mệnh lạ lùng cũng y như vậy.

“Chúng mình đang bay ở đây?” Người điện báo nhắc lại với anh câu hỏi.

Fabien lại ngoi lên và tựa vào má bên trái, anh tiếp tục cuộc canh đêm khùng khiếp. Anh chẳng rõ là còn bao lâu và phải mất bao nhiêu nỗ lực nữa mới thoát ra khỏi những dây trói tối tăm kia. Hầu như anh không tin là có thể thoát ra khỏi nổi, vì anh đặt cuộc đời mình vào mảnh giấy cón con bản thủ và nhàu nát kia, anh mở ra đọc có nghìn lần để nuôi dưỡng vững vàng niềm hy vọng: “Trelew: trời phủ mây, gió tây nhẹ”. Nếu ở Trelew trời phủ kín ba phần tư, hẳn ta sẽ nhìn thấy đèn sáng ở đó qua những đám mây rách ra. Trừ phi...”

Ánh áng nhợt nhạt hứa hẹn, ở một chốn xa xa hơn nữa khuyến khích anh tiếp tục bay; nhưng hình như anh còn ngờ vực nên anh viết vội cho người điện báo: “Không biết chắc có đi lọt nổi. Xem hộ tôi phía sau thời tiết còn đẹp không?”

Câu trả lời làm anh chưng hửng.

“Comodoro thông báo: không thể quay lại đây. Bão”

Anh bắt đầu phỏng đoán về cuộc tiến công bất thường từ dãy Andes ập ra mạn biển. Trước khi anh có thể tới nơi, bão hẳn đã quét sạch các thành phố rồi.

- Gọi hỏi thời tiết San Antonio...

- San Antonio trả lời: “Gió tây nổi lên và bão phía Tây. Trời phủ mây bốn phần tư”. San Antonio nghe rất khó vì nhiều. Tôi cũng nghe rất khó. Có lẽ buộc phải cuốn ăng ten vì phóng điện nhiều. Anh có quay lại không? Anh định làm gì?

- Mặc xác tôi. Hỏi tin thời tiết ở Bahia Blanca...

“Bahia Blanca đã trả lời: Dự đoán trong vòng hai mươi phút nữa có dông mạnh từ phía Tây vào Bahia Blanca”.

- Hỏi thời tiết Trelew!

“Trelew trả lời: Bão lớn ba mươi mét giây phía Tây và mưa từ trận rất to”

- Báo tin cho Buenos – Aires: “Chúng tôi bị chặn khắp các ngã, bão phát triển trên một nghìn kilomet, không nhìn thấy gì nữa cả. Chúng tôi phải làm gì?”

Đối với người phi công, đó là một đêm không bờ bến, vì nó không dẫn tới một bến đặng (dường như mọi bến cảng đều không thể tới nổi) cũng chẳng dẫn tới bình minh: trong vòng một giờ bốn mươi phút nữa sẽ hết xăng. Vì sớm hay muộn cũng bắt buộc phải đắm chìm mù mịt trong cái dày đặc này.

Giá mà anh có thể bay tới sáng ngày...

Fabien nghĩ tới bình minh như một bãi cát vàng ven biển ta sẽ trôi dạt vào đó sau cái đêm cực nhọc này. Bên dưới cánh tay bị đe dọa sẽ nảy sinh bờ bến những cánh đồng bằng. Đất đai thanh bình hẳn sẽ mang trong lòng những nông trại ngủ ngon lành và các bày súc vật cùng các ngọn đồi. Tất cả cách mảnh trôi dạt trong bóng đêm sẽ trở nên vô hại. Nếu có thể, ôi chao, hẳn anh sẽ bơi cho tới sáng ngày!

Anh nghĩ rằng anh bị bao vây. Tất thảy, dù tốt, dù xấu, hẳn sẽ được giải quyết trong bóng đêm dày đặc này.

Đúng thế. Đôi khi, thấy trời hửng sáng, anh đã ngỡ mình bước vào thời kỳ dưỡng bệnh.

Nhưng thôi, chăm chăm nhìn đôi phương Đông nơi mặt trời đang sống mà làm gì: giữa phương Đông đó và nơi anh là cả một bể sâu đêm tối không ai đi lên ngược lên nổi.

Tàu thư Asuncion bay đều. Vào quăng hai giờ, chúng ta sẽ đón nó. Ngược lại, dự kiến là tàu thư Patagonie hình như đang gặp khó khăn sẽ về muộn nhiều.

- Rõ, thưa ông Rivière.

- Có thể chúng ta không đợi nó tới rồi mới cho tàu thư đi châu Âu cất cánh: ngay nghi tàu Asuncion tới, các anh sẽ xin chỉ thị chúng tôi. Các anh chuẩn bị sẵn sàng.

Lúc này Rivière đang đọc lại các bức điện phòng hộ của các trạm dừng phía Bắc. Chúng mở ra cho tàu thư châu Âu một con đường trắng: “Trời trong, trăng tròn, không gió”. Những ngọn núi xứ Brazin in hình rõ trên nền trời rạng rỡ nhúng thẳng bộ tóc rậm những cánh rừng màu đen xuống những lớp biển cuộn cuộn màu bạc. Trang sáng độ mưa liên hồi xuống những cánh rừng ấy và không hề làm chúng lên màu. Và trên biển, cũng đen sì như những vật trôi dạt, là những hòn đảo. Và mặt trăng kia, trên suốt dọc đường, thật là bất tận: cả một suối nước bằng ánh sáng.

Nếu Rivière ra lệnh xuất phát, tổ bay tàu thư châu Âu sẽ bước vào một thế giới ổn định dịu dàng lấp lánh suốt đêm. Một thế giới không có gì đe dọa sự thăng bằng giữa các mảng bóng tối và ánh sáng. Một thế giới mà ngay những làn gió trong treo mơn man cũng không thâm nhập vào, những làn gió một khi lạnh đi thì chỉ trong vài giờ đủ sức phá hỏng cả một bầu trời.

Nhưng đứng trước làn ánh sáng rạng rỡ đó, Rivière vẫn ngập ngừng như người thăm dò mỏ do dự đứng trước những cánh đồng cấm đoán đầy vàng. Những biển cổ ở phía Nam đã chứng tỏ Rivière sai lầm, Rivière người bảo vệ duy nhất các chuyến bay đêm. Từ một tai họa ở Patagonie, các đối thủ của ông sẽ rút ra một lập trường đạo đức đủ mạnh khiến cho niềm tin của Rivière từ đây rất có thể trở nên bất lực; vì niềm tin của Rivière vẫn không lung lay: một kẽ nứt trong công trình đã để xảy ra bi kịch, nhưng tấn kịch chỉ làm lộ rõ kẽ nứt chứ không chứng tỏ thêm điều gì khác. “Có thể cần

phải có những trạm quansast ở mạn Tây... Rồi sẽ xem xét chuyện đó”. Ông nghĩ tiếp: “Ta vẫn có những lý do vững chãi như thế để kiên trì thêm, và giảm bớt được một nguyên tố gây ra các tai nạn: đó chính là cái nguyên tố đã tự cho lò ra”. Những thất bại tăng thêm sức mạnh cho những kẻ sung sức. Khốn thay, để chống lại con người, người ta thường chơi cái trò đếm xỉa rất ít đến ý nghĩa đích thực của sự vật. Thắng bại dựa trên vỏ bề ngoài chỉ ghi được những điểm số thảm hại. Và con người thấy mình bị trói chặt vào cái bề ngoài thất bại.

Rivière bấm chuông:

- Bahia Blanca vẫn không thông báo gì bằng vô tuyến điện cho ta?
- Không.
- Gọi trạm đó bằng điện thoại cho tôi.

Năm phút sau, ông hỏi:

- Vì sao ở đó không có tin gì cho chúng tôi?
 - Vì tôi không nghe tiếng máy bay.
 - Nó câm tiếng à?
 - Chúng tôi thấy rõ. Quá nhiều cơn dông. Ngay cả khi nó có đánh điện báo chúng tôi cũng không nghe được.
 - Ở Trelew nghe được không?
 - Chúng tôi không nghe được Trelew.
 - Gọi điện thoại.
 - Chúng tôi đã thử gọi: đường dây đứt.
 - Chỗ cách anh thời tiết ra sao?
 - Đe dọa. Nhiều chớp mạn Tây và mạn Nam. Đầy mây.
 - Gió thế nào?
 - Còn yếu, nhưng chỉ trong mười phút thôi. Các tia chớp xích lại nhanh.
- Một lát yên lặng.

- Bahia Blanca đây hả? Nghe rõ chứ? Mười phút nữa gọi lại cho chúng tôi.

Và Rivière lần giở từng tờ điện tín của các trạm dừng phía Nam. Tất cả đều báo hiệu con tàu bất lạng. Một vài trạm dừng không trả lời Buenos – Aires nữa, và trên bản đồ cái vết những tình cảm loang rộng dần, ở đó các thành phố nhỏ đang nằm trong trận lốc, cửa đóng then cài, mỗi căn nhà trong các phố tối mò nằm tách rời khỏi thế giới và mất hút trong đêm tối như một chiếc tàu thủy. Chỉ bình minh là có khả năng giải thoát chúng.

Tuy nhiên, ngả người trên tấm bản đồ, Rivière vẫn còn hy vọng tìm thấy một khoảng trời trong làm nơi ẩn náu, vì ông đã đánh điện báo hỏi cảnh sát của hơn ba mươi tỉnh lý về tình trạng bầu trời và các câu trả lời bắt đầu đến với ông. Trên hai nghìn kilomet, các trạm vô tuyến điện đã được lệnh nếu trạm nào nhận được một tiếng gọi của con tàu thì ba mươi giây sau phải báo cho Buenos – Aires, ở đây sẽ thông tin cho họ chuyển cho Fabien biết vị trí nơi ẩn náu.

Các nhân viên văn phòng, được triệu tập vào lúc một giờ sáng, đã tề tựu ở các bàn giấy. Ở đó họ được biết một cách bí mật rằng có thể sẽ đình chỉ các chuyến bay đêm và ngay tàu thư đi châu Âu cũng chỉ sẽ cất cánh vào ban ngày. Họ thầm thì với nhau về Fabien, về trận lốc, nhất là về Rivière. Họ đoán nào Rivière đang ở đâu đây và đang dần dần bị xéo nát vì lời thanh minh tự nhiên kia.

Nhưng bỗng mọi tiếng nói im bật. Rivière vừa xuất hiện ở cửa, người bó chặt trong chiếc măng tô, mũ luôn luôn sụp xuống, người du khách bất tận. Ông luôn thản nhiên bước tới bên người trưởng phòng:

- Một giờ mười rồi, giấy tờ cho tàu thư đi châu Âu đúng thủ tục cả rồi chứ?

- Tôi... tôi tưởng...

- Ông không có gì phải tưởng, ông chỉ có nhiệm vụ thi hành thôi.

Ông từ từ quay người lại đi về phía một tấm cửa sổ mở, hai tay chắp sau lưng.

Một nhân viên đến bên ấy.

- Thưa ông giám đốc, chúng tôi sẽ nhận được ít điện trả lời lắm. Họ cho biết là trong nội địa nhiều đường điện tín đã bị hư hại...

- Được.

Rivière không nhúc nhích, đứng nhìn trời đêm.

Như vậy đó, mỗi bức điện tới lại đe dọa con tàu thư. Mỗi thành phố khi có điều kiện trả lời, trước khi các đường điện tín bị hư hại, đều báo tin bước tiến của cơn lốc như bước tiến của một cuộc xâm lăng. “Nó tới từ phía nội địa, từ phía dãy núi Andes, nó quét sạch trên toàn bộ đường đi, ra tới biển...”

Rivière nghĩ rằng sao sáng quá, không khí ẩm quá. Một đêm lạ kỳ sao! Nó đột nhiên bị hỏng từng mảng, như phần nạc một trái cây phát sáng. Sao vẫn đầy trời trên đầu thành phố Buenos – Aires, nhưng đó chỉ là một ốc đảo, và cũng chỉ chốc lát thôi. Hơn nữa, đó là một bến cảng ngoài phạm vi hoạt động của tổ bay. Cái đêm đầy đe dọa lại được trận gió tai họa chạm vào và làm thối nẫu. Cái đêm khó mà chiến thắng nổi.

Đâu đây một chiếc máy bay đang gặp nguy trong những miền sau thẳm: mọi người đang vùng vẫy bất lực trên bờ.

Vợ Fabien gọi đây nói tới.

Đêm mỗi chuyến chông bay về, chị đều tính toán bước đi của tàu thư Patagonie: “Anh cất cánh ở trạm Trelew...” Rồi chị ngủ tiếp. Lát sau: “Anh phải đang tới gần San Antonio, lúc này anh phải nhìn thấy đèn sáng ở đó...” Khi ấy chị vùng dậy, mở rộng các rèm cửa và xem xét ước định bầu trời: “Những đám mây kia làm anh vướng cẳng...” Đôi khi mặt trăng lang than như một gã chần chừ. Khi ấy người thiếu phụ lại lên giường nằm, yên lòng vì trăng và sao kia, vì ngàn vạn hiện diện đó quanh chông chị. Quãng một giờ sáng, chị cảm thấy chông đã gần gụi lắm rồi: “Anh ấy chẳng còn xao bao nhiêu, anh phải trông thấy Buenos – Aires rồi...” Khi ấy chị lại vùng dậy lần nữa và sắp sẵn cho chông một bữa ăn, một bình cà phê thật nóng: “Trên cao kia lạnh lắm...” Bao giờ cũng thế, chị đón anh như thể anh vừa từ đỉnh cao tuyest phủ bước xuống: “Anh không lạnh ư? – Ồ không! – Anh cũng cứ sưởi cho ấm...” Đến một giờ mười lăm, mọi thứ đã sẵn sàng. Khi ấy chị gọi đây nói.

Đêm nay cũng như mọi đêm, chị hỏi tin:

- Fabien đã hạ cánh chưa?

Người nhân viên nghe hỏi hơi bối rối:

- Ai nói đó?

- Simone Fabien.

- À! Xin chờ một lát.

Người nhân viên chẳng dám nói gì, chuyển ống nghe cho trưởng phòng.

- Ai đó?

- Simone Fabien.

- A! ... Thưa bà, có việc gì a.?

- Nhà tôi đã hạ cánh chưa?

Im lặng, cái im lặng hình như khó diễn giải nổi, rồi là câu trả lời gọn lỏn:

- Chưa.

- Anh ấy về muộn?

- Vâng...

Lại im lặng.

- Vâng... muộn.

- Á!...

Đó là một tiếng “Á” của da thịt bị thương. Một sự chậm trễ, không sao... chẳng hề gì... nhưng khi chậm trễ kéo dài...

- Á!... Vậy đến mấy giờ anh ấy sẽ về đến đây?

- Mấy giờ anh ấy sẽ về đến đây? Chúng tôi... chúng tôi không biết.

Lúc này chị đung đầu vào một bức tường. Chị chỉ nhận được tiếng vang của chính những câu của chị hỏi.

- Phiền ông hãy trả lời cho! Anh ấy đang ở đâu?...

- Anh ấy đang ở đâu? Khoan đã...

Cái vè ì ạch đó làm chị phát ốm. Đằng sau bức tường kia hẳn đang diễn ra chuyện gì.

Người ta quyết định phải nói ra:

- Anh ấu cật cánh từ Commodoro lúc mười chín giờ ba mươi.

- Rồi sau đó?

- Sau đó?... Rất chậm trễ... Rất chậm trễ vì thời tiết xấu.

- A! Thời tiết xấu.

Bất công biết bao, xảo quyết biết bao trong mảnh trăng kia đang nhàn nhã tuôn trải ánh sáng lên Buenos – Aires! Người thiếu phụ chợt nhớ ra rằng từ Commodoro bay đến Trelew mất không đầy hai tiếng.

- Vậy mà đã sáu tiến rồi anh ấy bay về Trelew. Nhưng phải có tin của anh ấy gửi các ông! Anh ấy nói gì?...

- Anh ấy nói gì với chúng tôi? Dĩ nhiên, với tiết trời thế này... chắc bà cũng biết... không nghe được tin điện.

- Tiết trời thế này!

- Vâng, thưa bà, xin quy ước là chúng tôi sẽ gọi đây nói cho bà ngay khi chúng tôi được chút tin tức gì.

- A! Các ông không biết tí gì...

- Xin chào bà...

- Không! Không! Tôi muốn nói với ông giám đốc!

- Ông giám đốc đang bận lắm, thưa bà, ông đang họp...

- A! Mặc kệ! Ông ấy làm gì mặc kệ! Tôi muốn nói với ông ấy!

Ông trưởng phòng lau mồ hôi.

- Xin bà chờ một lát...

Ông đẩy cửa phòng Rivière.

- Bà Fabien muốn nói chuyện với ông.

“Hừ, Rivière nghĩ bụng, đây chính là điều ta e ngại”. Các yếu tố xúc cảm của tấn kịch bắt đầu lộ mặt. Mới đầu ông nghĩ đến việc khước từ chúng: các bà mẹ, các bà vợ không được vào phòng giải phẫu. Người ta cũng dẹp mọi xúc cảm khi các tàu thủy gặp nguy. Những xúc cảm ấy không có ích gì cho việc cứu người. Tuy thế ông vẫn nhận lời:

- Nối máy sang phòng tôi.

Ông lắng nghe cái tiếng nói nhỏ nhoi xa xăm run rẩy kia, và lập tức ông hiểu rằng ông không thể nào trả lời. Hai người phải đối mặt nhau thật chẳng có ích gì, cực kỳ vô tác dụng cho cả hai.

- Thưa bà, xin bà bình tĩnh! Trong nghề chúng tôi phải đợi tin lâu là chuyện thường.

Ông đã bước tới cái ranh giới ở đó vấn đề đặt ra không phải là một nỗi đau khổ nhỏ bé riêng biệt, mà là bản thân vấn đề hành động. Sừng sững trước mặt Rivière không phải là vợ Fabien mà là một ý nghĩ khác của cuộc sống. Rivière chỉ có thể lắng nghe, chỉ có thể thương hại cái tiếng nói nhỏ nhoi kia, cái tiếng ca cực kỳ buồn thảm nhưng thù địch kia. Bởi vì hành động, cũng như hạnh phúc riêng tư, đều không chấp nhận sự chia sẻ: chúng

xung đột nhau. Bản thân người đàn bà kia cũng lên tiếng nhân danh một thế giới tuyệt đối, nhân danh những nghĩa vụ và quyền hạn của mình? Cái thế giới một ánh đèn đặt lên bàn khi chiều xuống, của một thịt da đòi hỏi thịt da, của một xứ sở những hy vọng, những âm êm, những kỷ niệm. Người đàn bà ấy đòi tài sản của mình và như thế là có lý. Và cả Rivière nữa, cũng có cái lý của mình nhưng ông chẳng có gì đối lập nổi với cái chân lý của người đàn bà kia. Ông đã nhìn ra cái chân lý của riêng mình dưới ánh sáng một ngọn đèn mọn mẩn trong nhà, cái chân lý không biểu đạt nổi và không có bộ mặt người.

- Thừa bà...

Chị ta chẳng nghe nữa. Ông cảm thấy chị ta ngã xuống gần như dưới chân ông sau khi đã dùng hai năm đêm yếu ớt đập đến kiệt lực vào bức tường.

Một bận, một kỹ sư nói với Rivière khi hai người cúi xuống một người bị thương gần chiếc cầu đang xây: “Cái cầu kia liệu có đáng giá một gương mặt bị đè nát?” Không một ai trong đám dân quê ấy sẽ được đi con đường mới mở này, lại chấp nhận giày nát cái khuôn mặt khủng khiếp kia để tránh đi vòng qua một cây cầu khác. Mặc dù vậy người ta vẫn cứ xây những cây cầu. Người kỹ sư đã nói thêm: “Quyền lợi chu do các quyền lợi riêng hợp thành: nó không biện bạch thêm cho một tí gì khác.” – “Mặc dù vậy, sau này Rivière đã đáp lời anh ta, nếu kiếp người là vô giá, chúng ta vẫn cứ hành động tựa hồ như còn một cái gì khác cao giá hơn kiếp người”... Nhưng đó là cái gì chứ nhỉ?

Và mơ màng nghĩ đến tổ bay, Rivière thấy tim mình thắt lại. Hành động phá vỡ cái hạnh phúc ngay cả khi đó là hành động xây cầu, Rivière không tài nào không tự nêu câu hỏi: “Nhân danh cái gì?”

“Những con người kia, ông nghĩ bụng, họ có thể sẵn bỏ mạng, lẽ ra họ có thể được sống hạnh phúc”. Ông nhìn rõ những gương mặt ngả vào nhau trong thánh đường vàng son các ngọn đèn chiếu xuống. “Nhân danh cái gì ta lôi họ ra khỏi đó?” Nhân danh cái gì ông giằng họ ra khỏi hạnh phúc cá nhân? Định luật hàng đầu chẳng phải là bảo vệ những hạnh phúc đó?

Nhưng chính ông đã phá tan chúng. Và mặc dầu vậy, một ngày nào đó, như là định mệnh, các giáo đường vàng son kia sẽ tan vỡ như những ảo ảnh. Tuổi già và cái chết hủy hoại chúng, còn tàn nhẫn hơn bản thân ông. Có lẽ còn có cái gì khác nữa, bền dai hơn nhiều, để mà cứu vãn, phải chăng Rivière hành động để cứu vãn cái phần đó của con người? Nếu không, hành động sẽ không được biện minh.

“Yêu thương, chỉ yêu thương thôi, thật là lối cụt!” Rivière cảm thấy một cách mơ hồ về một nghĩa vị còn cao cả hơn nghĩa vụ yêu thương. Hoặc giả đóc cũng là một tình cảm dịu mềm nhưng khác biệt bao so với những tình âu yếm khác. Ông chợt nhớ một câu nói: “Vấn đề là làm cho những người kia trở thành bất tử...” Ông đã đọc ở đâu điều đó? “Cái mà các người đeo đuổi bên trong mình rồi sẽ chết”. Ông nhớ lại một đền thờ thần mặt trời củ người Inca cổ xưa xứ Perou. Những tảng đá thẳng đứng trên núi. Nếu thiếu chúng, liệu còn lại cái gì của một nền văn minh cường thịnh đè nặng sức của đá lên con người ngày nay như một sự ăn năn? “Nhân danh cái khắc nghiệt gì, hoặc nhân danh cái tình yêu kỳ lạ nào, kẻ chăn dân xưa kia đã ép buộc đám con dân kéo cả ngôi đền kia lên núi và áp đặt họ dựng nên hình ảnh muôn đời của họ?” Rivière lại mơ màng nghĩ đến những đám đông ở những thành phố bé nhỏ chiều chiều quẩn quanh bên quán nghe nhạc. “Cái thứ hạnh phúc ấy, cái thứ bộ đồ thẳng ngựa ấy...”, ông nghĩ. Người chăn dân kia, nếu như không có chút tình thương trước khổ đau con người, nhưng hẳn đã có tình thương mênh mông trước cái chết của con người, mà thương hại cả chủng loại sẽ bị biển cát xóa sạch. Và con người ấy ít ra đã dẫn dắt dân tộc họ dựng lên những tảng đá để hoang mạc cũng không vùi lấp được.

Mẫu giấy gấp tư này có thể cứu anh chẳng; răng nghiền lại, Fabien giờ nó ra.

“Không thể liên lạc được với Buenos – Aires. Tôi cũng không thể gõ máy điện báo nữa, tia lửa đánh cả vào ngón tay tôi”.

Cáu kính, Fabien muốn trả lời, nhưng khi anh buông tay khỏi cần điều khiển để định viết, một thứ sóng lừng mãnh liệt nhập sâu vào thân xác anh: các luồng khí xoáy nâng anh lên trong cả khối năm tấn kim khí của anh và làm anh lão đảo. Anh đành thôi.

Hai tay anh lại ghì chặt lấy con sóng lừng và chìm được nó xuống.

Fabien thở mạnh. Nếu vì sợ đông mà người điện báo cuộn ăng ten lên, khi về đến nơi anh sẽ đánh vỡ mặt hẳn. Bằng mọi giá phải biết liên lạc được với Buenos – Aires, như thế cách xa hơn một nghìn năm trăm kilomet người ta có thể quăng tới họ một đoạn dây vào cái vực thăm đó. Thiếu một chút sáng chập chờn, một ngọn đèn quán trọ hầu như vô ích, nhưng nó có thể như một hải đăng, chứng tỏ là đất liền, Fabien thấy cần có ít ra một tiếng người, chỉ một tiếng thôi, vọng tới từ một thế giới lúc này đã không còn tồn tại nữa. Người phi công giơ cao và đu đưa năm đăm trong ánh sáng màu đỏ, những muốn làm cho người ngồi phía sau biết rõ cái sự thật bi thảm đó, nhưng người kia mãi cúi nhìn không gian hoang tàn với những thành phố bị chôn vùi, những ánh sáng đã chết, đã không nhận thấy điều đó.

Fabien hẳn sẽ làm theo mọi lời khuyên miễn là chúng được hét to với anh. Anh nghĩ: “Nếu họ bảo ta bay quay tròn ta cũng sẽ bay quay tròn, họ có bảo ta nhằm thẳng hướng Nam...” Đâu đây vẫn còn những miền đất thanh bình, hiền dịu dưới những bóng tối lớn do mặt trăng tạo nên. Dưới kia, các bạn, những người giỏi giang như bác học, châu đầu lên những tấm bản đồ, những con người đầy sức mạnh nấp dưới những ngọn đèn đẹp như hoa, họ biết các miền đất ấy. Còn anh, anh biết gì ngoài những luồng khí xoáy và bóng đêm với tốc độ của núi lở, đang đẩy dòng thác đen đập

ngược lại anh. Không thể nào anh em bỏ rơi hai con người giữa những cây nước và những ngọn lửa trong mây đó. Không thể được. Hẳn anh em sẽ ra lệnh cho Fabien: “Quay mũi hướng hai trăm bốn mươi...” Anh sẽ quay mũi máy bay hướng hai trăm bốn mươi. Nhưng anh có một thân một mình.

Anh thấy như thể vật chất nổi lên phản kháng. Mỗi lần nhao xuống, động cơ lại rung mạnh khiến cho chiếc máy bay cả toàn khối rung lên như nổi giận. Fabien kiệt sức để chế ngự con tàu, đầu anh cúi sâu trong buồng lái, trước mặt là đường chân trời xoay tròn chuyển vần, vì ở bên ngoài anh không phân biệt nổi giữa khối trời và khối đất, lạc lõng trong bóng đêm hỗn độn, một bóng đêm thời hoang sơ của muôn loài. Cái kim chỉ vị trí càng ngày càng chao đảo nhan, trở nên khó theo dõi. Người lái bị chúng đánh lừa không còn vật lộn nổi nữa, anh mất độ cao, dần dần sa lầy vào bóng tối đó. Anh đọc độ cao: “Năm trăm mét”. Đó là độ cao các quả đồi. Anh cảm thấy chúng cuộn những cơn sóng choáng váng xô lấn về phía mình. Anh cũng hiểu rằng tất cả các khối lượng củ addast mà chỉ một chút ít cũng đủ làm anh tan tành, như thế đã bị giăng khỏi giá đỡ, bị tháo chốt và bắt đầu xoay điên đảo xung quanh. Và xung quanh anh chúng bắt đầu một điệu nhảy múa sâu thẳm và ngày càng siết chặt lấy anh.

Anh đành chịu vậy. Dù có nguy cơ bị đâm phải cái gì, anh vẫn sẽ hạ cánh xuống bất kỳ đâu. Và ít ra để tránh các quả đồi, anh phóng quả pháo hiệu soi đường duy nhất. Pháo hiệu bốc cháy, xoay tròn, rồi soi sáng một miền bằng phẳng và tắt ngấm ở đó: Hóa ra là biển.

Anh nghĩ rất nhanh: “Toi rồi. Phải sửa bốn mươi độ đường bay mà vẫn chệch rồi. Bão lốc mà. Đất liền đâu?” Anh ngoặt thẳng hướng Tây. Anh nghĩ: “Bây giờ không còn pháo sáng, thật là tự sát”. Chuyện đó thế nào cũng có bạn xảy ra. Lại còn anh bạn phía sau. “Chắc chắn hẳn đã cuốn ăng ten lên”. Nhưng người phi công chẳng giận anh ta nữa. Nếu chính anh mở hai bàn tay ra, chỉ thế thôi, đời họ sẽ trôi tuột luôn như hạt bụi hão huyền. Trong đôi tay anh là trái tim đang đập của bạn và của mình. Và đột nhiên bàn tay anh làm anh ghê sợ.

Trong những luồng khí xoáy nhồi vào anh như những nhat thúc đập phá, để tay lái bớt lắc, anh phải dùng hết sức bám chặt vào, nếu không những cơn lắc sẽ cửa đứt cáp điều khiển. Anh vẫn bám vào đó. Thế rồi anh bỗng không còn thấy cảm giác ở đôi tay tê dại vì quá sức. Anh muốn cựa quậy ngón tay xem tay nói gì với mình: anh không rõ các ngón tay có tuân lệnh anh không. Chỉ có cái gì đó kỳ lạ ở tận cùng đôi cánh tay anh. Chỉ còn là những miếng da thuộc không cảm giác và mềm nhũn. Anh nghĩ: “Phải tưởng tượng hết sức là mình đang nắm...” Anh không rõ ỹ nghĩ mình có truyền được tới đôi tay không. Và khi anh nhận ra tay lái bị lắc chỉ vì thấy đau ở vai: “Sẽ tuột nó mất. Tay mình mở ra thôi...” Nhưng anh run sợ thấy mình đã dám nghĩ những lời như thế, vì lần này anh tưởng như tay mình đang phục tùng cái sức mạnh âm u của điều vừa nghĩ thành hình ảnh, và chúng đang từ từ mở ra để nộp anh cho bóng tối.

Anh lẽ ra có thể đầu tranh thêm nữa, có tìm một cơ may: không có cái định mệnh bên ngoài con người. Nhưng có một cái định mệnh bên trong con người: sẽ tới cái phút giây con người thấy mình vô cũng nhỏ yếu; khi ấy các sai lầm cuốn hút ta như cơn choáng váng.

Và chính vào phút giây ấy, trong một lúc khi cơn bão rách ra, giống như một cái mồi độc chết người ở đáy nơm, bên trên đầu anh thấy lóe sáng mấy ngôi sao.

Anh phán đoán đúng đó là một cái bẫy: ta nhìn rõ ba ngôi sao ở một lỗ hổng trên bầu trời, ta bay lên cao tới chúng, sau đó ta không thể nào xuống nổi, ta mắc kẹt ở đó, răng cắm ngập vào các vì sao...

Nhưng anh đối ánh sáng, đến nỗi anh vẫn bay lên.

Anh bay lên cao, len lỏi trót lọt giữa những luồng khí nhồi, nhờ những ngôi sao làm chuẩn. Chất nam châm nhọt nhạt của chúng hấp dẫn anh. Anh đã vất vả lâu đến thế để đuổi theo một chút ánh sáng đến mức anh chẳng thể nào nhả ra dù là chút ánh sáng mơ hồ nhất. Thấy mình sung túc vì một ánh đèn quán trọ, anh hẳn có thể xoay quanh cái dấu hiệu thềm khát đó cho đến khi anh chết. Và bây giờ anh đang bốc lên tới những cánh đồng ánh sáng.

Anh lên cao dần theo đường xoắn ốc trong lòng giếng mới mở ra và đóng lại trên đầu mình. Và càng lên cao các đám mây càng mất màu tối như bùn đen, chúng đi ngược chiều lại với anh như những đợt sóng càng ngày càng tinh khiết và trắng xóa. Fabien ngoi lên trên chúng.

Anh ngạc nhiên đến cùng cực: vùng sáng đến mức làm anh chói lói. Anh phải nhắm mắt lại vài giây. Không khi nào anh nghĩ rằng về đêm các đám mây đó có thể gây chói lòa. Nhưng trắng tròn và mọi chòm sao đã biến đổi thành các làn sóng óng ánh.

Đúng vào giây phút anh ngoi được lên, máy bay lập tức yên ả đến mức lạ lùng. Không một cơn sóng lừng làm nó nghiêng chúi nữa. Như con thuyefn đã vượt đê, anh bước vào những miền nước dành riêng. Anh bị cầm giữ chặt trong một phân bầu trời xa lạ và kín như cái vịnh lọt thỏm giữa những hòn đảo diễm phúc. Bên dưới anh, bão tạo ra một thế giới khác có bề dày ba nghìn mét chẳng chịt những luồng gió tấp những cột nước, những chớp giạt, những bão tấp ấy giơ về phía các thiên thể một gương mặt pha lê và tuyết trắng.

Fabien nghĩ mình đã bay tới những xứ sở huyền hoặc lạ kỳ, vì tất cả bỗng trở nên sáng lòa, cả tay anh, quần áo anh, đôi cánh anh. Vì ánh sáng không tỏa xuống từ các thiên thể mà tỏa ra từ bên dưới anh, chung quanh anh, từ những đám dự trữ màu trắng kia.

Bên dưới anh, các đám mây kia hắt trả lại tất cả màu tuyết trắng chúng nhận được từ mặt trăng. Cả những đám mây bên phải, bên trái, cao như

những tòa tháp cũng vậy. Một dòng ánh sáng trắng sữa trôi đi, và tổ bay tằm mình trong đó. Fabien quay lại và thấy người điện báo mỉm cười.

- Tốt lắm rồi! – anh ta kêu to.

Nhưng tiếng nói mất đi trong tiếng ồn máy đang bay, chỉ những nụ cười là truyền được tới nhau. “Mình sắp điên rồi mới cười, Fabien nghĩ, hai thằng toi mạng rồi”.

Thế nhưng hàng ngàn cánh tay đen tối đã buông thả anh. Anh đã được cởi trói, như kẻ tù nhân được cho đi dạo một mình, một lát giữa các luống hoa.

“Đẹp quá”, Fabien nghĩ bụng. Anh lang thang giữa vô vàn vì sao tích tụ dày đặc như một kho báu, trong một thế giới không có gì khác, tuyệt nhiên không có gì khác đang còn sống ngoài anh, Fabien và bạn anh. Hai người giống như những tên trộm ở các thành phố huyền hoặc, bị giam kín trong căn phòng chứa đầy báu vật và không sao ra nổi. Họ lang thang giữa những đá quý lạnh cóng, giàu có đến vô cùng, nhưng cái chết đã kề.

Một trong những nhân viên vô tuyến điện báo ở trạm dừng Commodoro Rivadavia của Patagonie bỗng làm một cử động đột ngột, thế là tất cả những con người đang trực đêm bát lữ trong trạm liền quây lại xung quanh anh ta và cúi xuống.

Họ cúi xuống một tờ giấy chưa viết lên chữ nào và có ánh đèn soi sáng gắt. Bàn tay người thợ máy vẫn còn ngập ngừng cây bút chì đưa. Bàn tay người thợ máy còn đang cầm tù những con chữ, nhưng các ngón tay anh đã run lên rồi.

- Đông à?

Người điện báo gật đầu trả lời “Ừ”. Tiếng lạo xạo của dông bão ngăn cản anh nhận rõ các tín hiệu.

Sau đó anh ghi lại vài dấu hiệu không thể đoán ra nghĩa. Sau đó là những tiếng rõ rệt. Sau đó đã có thể xác lập toàn văn bản:

“Bị mắc ở độ cao ba nghìn tám bên trên trận bão. Chúng tôi bay thẳng hướng Tây vào đất liền vì bị lạc ra biển. Phía dưới chúng tôi bị bịt kín hoàn toàn. Chưa biết có phải là vẫn đang bay trên biển hay không. Yêu cầu thông báo trong đất liền có bão không”.

Vì có dông, người ta phải làm theo day chuyển từ trạm này sang trạm khác để truyền bức điện đó về Buenos – Aires. Bức điện tiến bước trong đêm như đuốc thắp truyền tin từ chòi canh này qua chòi canh khác.

Buenos – Aires nhờ các trạm trả lời:

- Bão trong khắp nội địa. Các anh còn bao nhiêu xăng?

- Một nửa giờ bay.

Và câu đó từ người trực này sang người trực khác đi ngược lên tận Buenos – Aires.

Tổ bay trong vòng ba mươi phút nữa buộc phải đi sâu vào một vùng xoáy sẽ thổi dạt nó xuống tận mặt đất.

Và Rivière nghiền ngẫm. Ông không còn hy vọng nào nữa: tổ bay đó đắm chìm đâu đây trong đêm. Rivière nhớ tới một ảo ảnh đã có ấn tượng mạnh mẽ đến tuổi thơ của ông: người ta cũng sẽ chẳng tìm thấy gì trước khi cái khối bóng đêm này chịu trôi đi khỏi mặt đất, trước khi những miền cát kia, những đồng bằng kia, những đồng lúa mì kia ngoi được tới ánh sáng ngày. Rất có thể mấy bác dân quê bình dị sẽ tìm thấy hai bé em khuỷu tay co lên bưng mặt, dường như đang ngủ, trôi dạt trên cỏ xanh rục ánh vàng của một cái bình yên. Chính đêm tối có lẽ đã chìm chết chúng.

Rivière nghĩ tới những kho báu vùi lấp trong đêm sâu như vùi lấp dưới những lớp biển huyền hoặc... Những cây táo ban đêm kia đợi sáng ngày, trên cành vẫn đầy hoa, những bông hoa chưa đậu quả. Đêm thật là phong phú, đầy hương thơm, đầy những chú cừ non thiu thiu ngủ, và đầy những đóa hoa vẫn chưa dậy sắc màu.

Dần dần sẽ ngoi lên phía sáng ngày những luống cày màu mỡ, những cánh đồng đắm nước, những đồng cỏ linh lăng tươi mát. Nhưng giữa những quả đồi giờ đây vô hại, giữa những đồng cỏ và những chú cừ non, giữa cái hiển minh của mọi sự vật, sẽ có hai bé em dường như đang ngủ. Và có cái gì đó có lẽ đã trôi đi từ cái thế giới hữu hình sang thế giới khác.

Rivière biết rõ người vợ Fabien lo âu và hiền dịu; chị ta mới nhận được cái tình yên chớm nở ấy như đứa trẻ nghèo mượn được món đồ chơi.

Rivière nghĩ tới bàn tay Fabien, bàn tay còn giữ thêm trong vài phút số phận của anh trên các cần điều khiển. Cái bàn tay đã từng ve vuốt. Cái bàn tay đã từng đặt trên bộ ngực và đã gợi lên ở đó nỗi xôn xao như một bàn tay thiên thần. Cái bàn tay đã đặt lên một gương mặt và đã làm đổi thay gương mặt ấy. Cái bàn tay thần kỳ ấy.

Fabien lang thang bên trên biển mây huy hoàng, ban đêm, nhưng thấp mãi bên dưới kia là vĩnh cửu. Anh lạc lõng giữa các chòm sao nơi anh trú ngụ có một mình. Anh vẫn còn nắm chặt thế giới trong đôi tay và đu đưa nó sát ngực mình. Anh siết chặt trong tay lái sức nặng sự phong phú của con

người và, tuyệt vọng, anh lang thang từ ngôi sao này qua ngôi sao khác, mang theo các vật báu vô bổ mà anh sẽ phải buông ra.

Rivière nghĩ rằng vẫn còn một trạm vô tuyến điện lắng nghe tiếng anh gọi. Giữa Fabien và thế gian chỉ còn một dây liên hệ, một làn sóng nhạc, một biết điệu đoản âm. Không một than vãn. Không một kêu gào. Mà chỉ là âm thanh trong treo nhất do tuyệt vọng từng tạo nên.

Robineau lôi ông ra khỏi cánh cô đơn:

- Thưa ông giám đốc, tôi suy nghĩ... có lẽ chúng ta có thể thử...

Ông chẳng có gì để đề nghị, nhưng bằng cách đó ông tỏ lòng thiện chí. Ông những mong tìm ra một giải pháp và kiếm tìm nó một chút như giải một câu đố. Ông luôn luôn ìm ra những giải pháp mà Rivière chẳng khi nào chịu nghe: “Kìa, ông Robineau ạ, trong cuộc đời không làm gì có các giải pháp. Chỉ có những sức mạnh đang tiến bước: chỉ cần tạo ra chúng rồi các giải pháp sẽ có theo”. Vì vậy Robineau giới hạn vai trò của mình ở việc tạo ra một sức mạnh đang tiến bước trong phòng thợ máy. Một sức mạnh bé nhỏ đang tiến bước, nó ngăn chặn không sinh gì cho cái trục cánh quạt.

Nhưng các biến cố đêm nay diễn ra trước một ông Robineau chịu bó tay. Danh hiệu thanh tra không có một mảy may quyền lực đối với các trận đông, cả với tổ bay mà rõ ràng không vật lộn để giành tiền thưởng đúng thời gian biểu, mà để thoát một hình phạt duy nhất xóa sạch mọi hình phạt của Robineau – cái chết.

Và Robineau, giờ đây vô dụng, lang thang trong các văn phòng, chẳng có việc gì làm.

Vợ Fabien xin được tiếp. Bị nỗi lo lắng thúc đẩy, chị chờ đợi trong văn phòng các nhân viên để được Rivière tiếp. Các nhân viên đưa mắt nhìn trộm gương mặt chị. Chị cảm thấy hơi ngượng ngùng và e ngại nhìn bốn xung quanh: tất cả mọi thứ ở đây đều khước từ chị. Những con người đang tiếp tục công việc kia, tựa hồ như đang xéo trên một thân người, những tập hồ sơ trong đó đòi con người, nỗi đau con người chỉ để lại chút cặn là những con số cứng cõi. Chị tìm kiếm những dấu hiệu có thể nói với chị về Fabien. Ở nhà chị, mọi thứ đều cho thấy sự vắng anh: cái giường hé mở, cà phê pha sẵn, một bó hoa... Chị không phát hiện ra một dấu hiệu mảy may. Tất cả đều chống đối lại với tình thương xót, với tình bạn, với kỷ niệm. Câu nói duy nhất chị nghe được, vì không một ai nói to trước mặt chị, là câu chửi thề của một nhân viên đòi tấm phiếu gửi hàng: “... Phiếu gửi đinamô

đi Santos, mẹ kiếp!” Chị ngẩng lên nhìn người đó với vẻ ngạc nhiên vô hạn. Rồi nhìn lên bức tường có treo tấm bản đồ. Mũi chị hơi rung lên, khẽ rung.

Chị ngượng ngùng đoán ra rằng ở đây chị biểu hiện một chân lý thù địch, hầu như chị lấy làm tiếc đã tới đây, chị những muốn trốn đi nhưng lại kìm giữ được, sợ rằng lại càng bị để ý quá mức, chị không dám ho, không dám khóc. Chị thấy mình khác lạ, không đúng chỗ, như thể trần truồng. Nhưng thực trạng của chị khá mạnh, khiến cho các cặp mắt không ngừng vụng trộm đưa lên trên gương mặt chị. Người đàn bà này đẹp quá. Chị làm cho mọi người thấy rõ cái thế giới thiêng liêng của hạnh phúc. Chị làm cho mọi người thấy khi con người hành động, họ vô tình động chạm tới một vật liệu cao quý biết chừng nào. Dưới biết bao cặp mắt nhìn, chị nhắm mắt lại. Chị làm cho mọi người thấy họ có thể vô tình hủy hoại một cảnh yên tĩnh như thế nào.

Rivière tiếp chị.

Chị tới đây biện hộ một cách nhút nhát cho những bông hoa của chị, cho cà phê chị đã pha rồi, cho da thịt trẻ trung của chị. Một lần nữa, trong cái căn phòng càng lạnh thêm này, chị lại khẽ run cặp môi. Chị cũng bộc lộ ra cái thực trạng không thể biểu đạt nổi của mình trong cái thế giới khác lạ kia. Mọi cái gì trỗi dậy trong chị của một tình yêu hầu như hoang dại, vì nó đã quá nồng nàn, hỉ xả, tới đây chị cảm thấy nó mang một bộ mặt không đúng chỗ, vị kỷ. Chị chỉ muốn chạy trốn.

- Tôi quấy rầy ông...

- Thưa bà, Rivière nói với chị, bà không quấy rầy! Khốn thay, thưa bà, bà và tôi, chúng ta không thể làm gì hơn là đợi chờ.

Chị khẽ nhún vai và Rivière hiểu cái nhún vai có ý nghĩa gì: “Để làm gì nhĩ cây đèn, bữa ăn dọn sẵn kia, những bông hoa kia mà ta sắp thấy lại...” Một bạn có một bà mẹ trẻ đã tâm sự với Rivière: “ Cái chết của con tôi, tôi vẫn chưa làm sao hiểu nổi. Chính những điều lật vạt lại đau lòng, quần áo nó tôi tìm thấy, và nếu giữa đêm tỉnh giấc, cái tình cảm vẫn cứ dâng lên

trong lòng tôi từ nay vô ích như dòng sữa của tôi vậy...” Đối với người đàn bà này nữa, cái chết của Fabien sẽ chớm bắt đầu một đôi chút kể từ ngày mai trong từng hành động để từ nay đã thành vô vị, trong từng đồ vật, Fabien sẽ rời căn nhà ra đi từ từ. Rivière nín thính không bộc lộ một tình thương sâu sắc.

- Thưa bà...

Thiếu phụ rút lui với một nụ cười hầu như nhún nhường, không biết rằng chính mình có sức mạnh.

Rivière ngồi xuống, hơi nặng nề.

“Nhưng cô ấy đã giúp ta tìm ra cái ta đang kiếm tìm...”

Ông lơ đãng vỗ nhẹ lên những bức điện bảo hộ của các trạm dừng phía bắc. Ông mơ màng suy nghĩ.

“Chúng ta không đòi hỏi trở thành vĩnh cửu, mà chỉ đòi hỏi không phải chứng kiến các hành động mà sự vật bỗng chốc mất hết ý nghĩa. Khi đó, cái trong rỗng bao quanh ta sẽ hiện ra...”

Mắt ông rơi vào những bức điện báo:

“Và đây là con đường chết thâm nhập vào nhà chúng ta: những bức điện không còn ý nghĩa nữa kia kia...”

Ông nhìn Robineau. Anh chàng xoàng xĩnh kia giờ đây vô dụng, không còn mang một ý nghĩa gì nữa. Rivière nói với ông ta bằng một giọng gần như gay gắt:

- Liệu có cần tự tay tôi giao việc cho ông?

Sau đó Rivière đẩy tấm cửa sang phòng các nhân viên, và cái chết của Fabien hiển nhiên đập mạnh vào ông qua những dấu hiệu mà bà vợ Fabien không biết cách nhìn ra. Tấm phiếu R.B.903, con tàu của Fabien, đã có tên trên bảng treo tường ở mục vật tư không sử dụng được. Các nhân viên chuẩn bị giấy tờ cho tàu thư đi châu Âu, biết rằng nó sẽ khởi hành chậm, nên làm việc tồi. Ở ngoài bãi bay người ta gọi dây nói về xin chỉ thị cho các kíp giờ đây đang thức canh vô mục đích. Các chức năng của cuộc sống bị

chậm tốc độ lại. “Cái chết, nó đấy!”, Rivière nghĩ bụng. Công trình của ông giống một con thuyền buồm bị hỏng, đang ở trên biển không có gió.

Rivière nghe tiếng của Robineau:

- Thưa ông giám đốc... hai người ấy mới cưới nhau được sáu tuần.
- Ông hãy đi làm việc đi.

Rivière vẫn nhìn các nhân viên, và qua họ ông nhìn những người lao công, những thợ máy, những phi công, tất cả những con người đã giúp ông trong sự nghiệp với một niềm tin của những người xây dựng. Ông nghĩ đến những thành phố nhỏ ngày xưa, họ nghe nói đến các “Đào” và họ tự đóng lấy một chiếc tàu thủy. Để chắt chứa hy vọng của họ lên con tàu đó. Để con người có thể nhìn thấy hy vọng của họ căng buồm ra biển. Tất cả đã lớn lên, tất cả được kéo thoát ra khỏi bản thân, tất cả được giải thoát bởi một chiếc tàu thủy. “Rất có thể mục đích không biện minh cho cái gì cả, nhưng hành động giải thoát khỏi cái chết! Những con người ấy tồn tại mãi mãi nhờ con tàu của họ”.

Và Rivière cũng sẽ đấu tranh chống lại cái chết khi ông đem trả lại ý nghĩa đầy đủ cho các bức điện báo, đem lại sự lo âu cho các kíp trực và đem lại cái mục đích bi tráng cho các phi công. Khi cuộc sống sẽ làm hồi sinh cho sự nghiệp này như gió hồi sinh cho con tàu buồm trên biển.

Trạm Commodoro Rivadavia không còn nghe thấy gì nữa, nhưng ở cách đó một nghìn kilomet, hai mươi phút sau, trạm Bahia Blanca nhận được một bức điện thứ hai:

“Chúng tôi hạ cánh. Chúng tôi vào trong mây...”

Sau đó là mấy tiếng của một văn bản khó hiểu hiện ra ở trạm vô tuyến điện Trelew:

“... không trông thấy gì...”

Sóng ngắn là như vậy đó. Ở đẳng ấy thì nhận được chúng, còn ở đây như tai điếc. Sau đó, chẳng ai biết vị trí ở đâu, tất cả thay đổi. Tổ bay kia, chẳng ai biết vị trí ở đâu, đã nhảajra cho những người đang sóng, ngoài không gian, và trên những tờ giấy trắng của các trạm vô tuyến điện, đó đã là những bóng ma đang viết.

Xăng đã hết, hoặc người phi công đã đặt con bài cuối cùng vì hỏng hóc: hạ xuống đất êm ả?

Tiếng nói từ Buenos – Aires ra lệnh cho Trelew:

“Hỏi nó cái đó”.

Trạm nhận vô tuyến điện giống như một phòng thí nghiệm: đầy những kèn, những đồng và máy ghi áp lực, hệ thống các đường dẫn. Các thợ máy trực mặc bờ lu trắng, lặng lẽ, dường như đang lom khom theo dõi chỉ một thực nghiệm.

Bằng những ngón tay tinh tế, họ dùng vào các công cụ, họ thăm dò bầu trời từ tính như những người lần mò các nguồn suối đường tìm mạch vàng.

- Họ không trả lời?

- Họ không trả lời.

Có thể họ sắp nhận được cái tín hiệu không biết chừng sẽ là tín hiệu sống. Nếu chiếc máy bay và các đèn hiệu trở lên được tới các vì sao, chắc là họ có thể nghe thấy ngôi sao kia ca hát.

Thời khắc vắn trôi. Trời thật sự như máu chảy. Liệu chuyến tàu còn tiếp tục bay không? Mỗi giây đồng hồ lại cướp đi một cơ may. Và thời gian đang trôi kia dường như đang hủy hoại. Như thế rờn rã hai mươi thế kỷ thời gian đùng chạm tới ngôi đền, thời gian lần đường đi trong đá hoa cương và làm tan rã ngôi đền thành cát bụi, thì đây hàng thế kỷ ăn mòn tích tụ lại trong mỗi giây đồng hồ và đe dọa một tổ bay.

Mỗi giây đồng hồ cướp đi theo một chút gì.

Tiếng nói ấy của Fabien, tiếng cười kia của Fabien, nụ cười mỉm ấy. Im lặng bao trùm sân bay. Một thứ im lặng mỗi lúc một nặng nề như sức nặng một biển cả trùm lên tổ bay kia.

Chợt ai đó nhận xét:

- Một giờ bốn mươi. Giới hạn cuối cùng của ét xăng: không thể nào họ lại còn đang bay được.

Và thế là hoàn toàn im lặng.

Có cái vị gì chua chát và nhạt nhẽo dâng lên cửa miệng như những khi kết thúc chuyến đi xa. Có cái gì đã hoàn tất mà chẳng ai hay biết gì hết, có cái gì ghê tởm. Và mặc dù ở đây bóng lộn những kèn và những mạch máu bằng đồng, vẫn thấy nỗi buồn ngự trị những công xưởng phá sản. Toàn bộ những vật tư kia sao mà nặng nề, vô dụng, đã đổi chức năng một đồng nặng những cành khô.

Chỉ còn việc đợi trời sáng.

Vài giờ nữa cả xứ Argentina sẽ ngoi lên ánh sáng ngày, và mấy người kia vẫn ở đó như trên một bãi biển trước một tấm lưới đang được kéo, kéo từ từ, và chẳng ai hiểu trong lưới có gì.

Ở trong văn phòng, Rivière nhận thấy cái trạng thái nghỉ ngơi chỉ xảy ra trong những tai họa lớn, khi định mệnh giải thoát con người, Ông đã cho báo động cảnh sát cả một tỉnh. Ông không còn làm gì nổi nữa, phải chờ thôi.

Thế nhưng ngay cả trong nhà có tang cũng phải ngăn nắp trật tự. Rivière ra hiệu cho Robineau:

- Gửi điện cho các trạm dừng phía Bắc: “Chúng tôi dự kiến tàu thư Patagonie chậm khá lâu. Để tàu thư châu Âu không chậm lại nhiều quá, chúng tôi ghép tàu thư Patagonie với tàu thư châu Âu chuyển sau”.

Người đàn ông hơi gập người về phía trước. Nhưng rồi ông cố sức gượng và chợt nhớ điều gì đó nghiêm trọng. À, phải rồi! Và để khỏi quên mất:

- Ông Robineau.

- Thưa ông Rivière?

- Ông thảo ngay một công văn. Cấm các phi công cho máy chạy qua một nghìn chín trăm vòng phút: họ đang tàn sát các động cơ của ta.

- Rõ, thưa ông Rivière.

Rivière cúi gập người xuống thêm chút nữa. Ông đang có nhu cầu cao hơn tất cả, nhu cầu được yên tĩnh một mình.

- Được rồi, Robineau. Được rồi, anh bạn...

Và Robineau thấy hoảng sợ vì vẻ bình đẳng đó trước những bóng đêm.

Giờ đây Robineau lang thang âu sầu trong các bàn giấy. Sự sống của công ty đã ngừng lại, vì chuyến thư dự định bay lúc hai giờ sáng sẽ bị thu lệnh và chỉ khởi hành lúc trời sáng. Các viên chức, nét mặt đanh lại, vẫn còn trực, nhưng buổi trực đó vô ích. Theo nhịp điệu đều đặn, vẫn còn nhận được những bản tin phòng hộ từ các trạm dừng phía Bắc, nhưng các điều họ thông báo “trời trong”, “trăng tròn”, “không gió” gợi lên hình ảnh một vương quốc khô cằn. Một hoang mạc có trăng và đá. Và khi Robineau lật giở tập hồ sơ người trưởng phòng đang làm, chẳng biết nhằm mục đích gì, ông chợt thấy anh này đứng trước mặt mình, với vẻ kính nể láo xược, đợi ông trả lại tập hồ sơ đó, như thể muốn nói: “Khi nào ông cần tôi xin đưa hầu ông, phải không ạ? Đây là hồ sơ của tôi mà...” Thái độ đó của người cấp dưới làm viên thanh tra khó chịu, nhưng ông không có một câu đốp chát nào trở lại, và với vẻ cúi kính ông trả lại tập hồ sơ. Người trưởng phòng về ghế ngồi, dáng cực kỳ đàng hoàng. “Lẽ ra ta phải tổng cổ hẩn đi”, Robineau nghĩ bụng. Thế rồi để có vẻ bình tĩnh, ông lững thững bước đi và ngẫm nghĩ về tấn kịch bi. Tấn bi kịch hùng đó sẽ dẫn tới một đường lối bị thất bại và Robineau bị hai niềm thương cảm.

Sau đó ông chợt nhớ lại hình ảnh một Rivière đang ngồi kín trong văn phòng kia, người đã gọi ông là “anh bạn...”. Chưa khi nào con người nào lại thiếu chỗ dựa đến mức ấy. Robineau thấy vô cùng thương hại ông ta. Ông nghiền ngẫm trong lòng vài câu u uẩn, để vổ về, để an ủi. Trong lòng ông dâng lên một tình cảm ông coi là rất đẹp. Ông bèn khẽ gõ cửa. Không thấy ai trả lời. Trong cái yên lặng ấy ông không dám gõ cửa mạnh thêm và cứ thế đẩy cửa. Rivière ngồi đó. Lần đầu tiên Robineau đến với Rivière hầu như bằng vai phải lứa, hơi một chút như bạn bè, hơi một chút nghĩ trong lòng như viên trung sĩ dưới làn đạn với vị tướng bị thương rồi hộ tống ông trong trận tháo chạy và trở thành anh em trong cuộc lưu vong. “Tôi ở bên ông bất kể xảy ra chuyện gì”, dường như Robineau muốn nói thế.

Rivière lặng im và đầu cúi xuống ngẫm nghĩ hai bàn tay. Còn Robineau đứng trước ông ta không dám cất lời. Con sư tử ngay khi nằm gục đó vẫn

còn làm ông sợ sệt. Robineau chuẩn bị sẵn những lời lẽ mỗi lúc một hăng say một niềm tận tụy, nhưng mỗi lần ngược mắt lên ông lại bắt gặp cái đầu khê ngả gấn sát bàn kia, mái tóc sấp bạc kia, đôi môi mím chặt ngậm nỗi đắng cay! Cuối cùng ông quyết định:

- Thưa ông giám đốc...

Rivière ngẩng lên và nhìn ông. Rivière lúc đó dường ra khỏi một cơn mơ mộng sâu dẫm, xa vời đến nỗi có lẽ ông vẫn chưa nhận ra có Robineau ở đó. Và chẳng bao giờ có ai biết rõ khi đó ông mơ màng nghĩ ngợi chuyện gì, tình cảm ông ra sao và trong lòng ông đã kết thành nỗi phiền muộn gì. Rivière nhìn Robineau giây lâu như nhân chứng sống của một điều gì đó. Robineau thấy ngỡ ngàng. Rivière càng nhìn Robineau thì trên môi ông càng hiện lên một vẻ chua chát khó hiểu. Rivière càng nhìn Robineau thì ông này càng thẹn đỏ lên. Và Rivière càng thấy Robineau như là đến đây, với một thiện chí cảm động và bỗng bật hồn nhiên đến thảm hại, để chứng minh cho sự rồ dại của con người.

Robineau thấy hoang mang. Cả viên trung sĩ, cả viên tướng, cả những bạn bay đều không con ý nghĩa gì nữa. Đang xảy ra một điều gì không lý giải nổi. Rivière vẫn nhìn ông ta. Khi ấy Robineau vô tình chỉnh lại thái độ mình một chút, rút bàn tay thủ trong túi trái ra. Rivière vẫn nhìn ông ta. Sau cùng, Robineau ngỡ ngàng ngập vô cùng và chẳng rõ vì sao, ông nói:

- Tôi đến đây xem ông có ra lệnh gì không?

Rivière rút đồng hồ ra và nói gọn lỏn:

- Hai giờ rồi. Tàu thư Asuncion sẽ hạ cánh lúc hai giờ mười. Ông cho tàu thư đi châu Âu cất cánh lúc hai giờ mười lăm.

Và Robineau loan đi cái tin kinh ngạc: không đình chỉ các chuyến bay đêm. Và Robineau nói với anh trưởng phòng:

- Anh đem tập hồ sơ đó lại để tôi kiểm tra.

Rồi khi người trưởng phòng đã tới trước mặt ông:

- Hãy đợi đấy.

Và người trưởng phòng đứng đợi.

Tàu thư Asuncion báo hiệu sắp hạ cánh.

Rivière ngay vào những giờ khắc tồi tệ nhất vẫn theo dõi qua từng bức điện báo đường đi may mắn của nó. Giữa cảnh hoang mang hỗn độn này; đối với ông, đó là cái bằng chứng, đó là cái cú đánh trả của niềm tin trong lòng ông. Qua các bức điện báo, chuyên bay may mắn báo hiệu cả nghìn chuyến bay cũng may mắn như thế. “Không phải đêm nào cũng có dông bão”. Rivière cũng nghĩ thêm: “Một khi đã vạch xong con đường, con người không thể nào không đi theo tiếp”.

Từ Paraguay đi xuống qua từng trạm dừng này đến trạm dừng khác, như đi xuống từ một khu vườn mỹ lệ đầy hoa, đầy những ngôi nhà thâm thấp và những dòng sông nước lặng lẽ, con tàu lướt bên lề trận bão không làm nó mất hút ngôi sao nào. Chín hành khách cuộn mình trong chăn du lịch, tí trán vào cửa sổ như dán vào một tủ kính đầy bầu vật, vì các thành phố nhỏ của Argentina trong đêm tối đã vãi ra toàn bộ hạt vàng dưới ánh càn nhật màu hơn của những thành phố sao trời. Ở phía trước, người phi công dùng đôi bàn tay nắm chặt gánh nặng quý giá những kiếp người, mắt mở to ngập ánh trang như một người chăn dê. Kia rồi Buenos – Aires đã tràn ngập chân trời màu lửa hồng, và chút nữa thôi, nó sẽ lấp lánh lên toàn bộ những đá quý giống như một kho báu huyền hoặc. Mấy ngón tay người điện báo nhả nốt nhạc kết thúc một bản xônát, anh gõ vui vẻ trên trời và Rivière hiểu rõ giai điệu, sau rồi anh cuộn ăng ten lên, rồi anh vươn vai một chút, ngáp và cười mỉm: đã tới nơi.

Sau khi hạ cánh, người phi công gặp lại người lái tàu thư đi châu Âu, đứng tựa vào máy bay của anh ta, hai tay thủ túi.

- Cậu đi tiếp hử?
- Ừ,
- Tàu Patagonie về chưa?
- Không đợi nó nữa: mất tích. Trời đẹp chứ?
- Trời rất đẹp. Fabien không về à?

Họ ít nói về chuyện đó. Tình anh em lớn lao miễn cho họ phải nói nhiều...

Đang chuyển sang tàu đi châu Âu các túi hàng đưa đến từ Asuncion, và người phi công, luôn luôn không nhúc nhích, đầu ngả ra, gáy tựa vào buồng lái, ngắm nhìn sao trời. Anh không thấy dâng lên trong lòng một quyền lực mênh mông, và anh chợt thấy một niềm sáng khoái mãnh liệt.

- Xếp hàng xong rồi chứ? – Một tiếng nói cất lên. – Nào, mở khóa điện.

Người phi công không động cựa. Người ta nỗ máy cho anh. Người phi công sắp sửa cảm nhận con tàu đang sống kia trong đôi vai anh tựa vào máy bay. Cuối cùng người phi công thấy yên lòng sau khi đã nghe biết bao tin tức huyền truyền: sẽ đi... sẽ không đi... sẽ đi! Miệng anh hé mở, răng anh sáng bóng dưới ánh trăng như răng mãnh thú non.

- Cần thận đêm tối nhé!

Anh không nghe thấy lời khuyên của người bạn. Hai tay thủ túi, đầu ngả ra phía sau, mặt nhìn thẳng vào những đám mây, vào những ngọn núi, những dòng sông và những mặt biển, anh bắt đầu cất tiếng cười khe khẽ. Một tiếng cười yếu ớt, nhưng nó truyền trong người anh như ngọn gió hiu hiu lùa qua lá cây, và làm cho cả con người anh sồn lên. Một tiếng cười yếu ớt, nhưng khỏe hơn nhiều lắm so với mây kia, với núi kia, với sông và biển kia.

- Có chuyện gì thế?

- Cái lão gốc Rivière kia, nó bảo tôi... Nó tưởng là tôi sợ!

Một phút nữa thôi con tàu sẽ vượt qua Buenos – Aires, và Rivière tiếp tục trận chiến đấu, muốn lắng nghe được tiếng của nó. Muốn nghe thấy tiếng nó sinh ra, dội vang lên rồi tắt dần đi, như tiếng bước chân khủng khiếp cả đoàn quân rầm rập bước trong các vì sao.

Rivière khoanh hai tay đi ngang qua đám nhân viên. Đến trước một khung cửa sổ, ông dừng lại lắng nghe và mơ màng nghĩ ngợi.

Nếu như ông đành chỉ dù chỉ một chuyến bay, sự nghiệp bay đêm sẽ thất bại. Nhưng, vượt lên trước những kẻ yếu hèn mà ngày mai đây thôi sẽ lên tiếng phản đối ông, Rivière giữa đêm tối đã tung thả cho tổ bay kia cất cánh.

Chiến thắng... chiến bại... những tiếng đó chẳng có nghĩa gì. Cuộc sống nằm ở bên dưới các hình tượng ấy và đã đang chuẩn bị cho những hình tượng mới ra đời. Một chiến thắng làm suy yếu một dân tộc này, một chiến bại làm thức tỉnh một dân tộc khác. Chiến bại mà Rivière chịu đựng có thể là một cuộc giao tranh làm xích gần đến chiến thắng đích thực. Biến cố trên đường tiến triển là điều duy nhất đáng kể.

Năm phút nữa các trạm vô tuyến điện sẽ huy động các trạm dừng. Trên mười lăm nghìn kilomet tiếng run rẩy của sự sống sẽ giải quyết mọi vấn đề đặt ra.

Một tiếng hát đại phong cầm đã bốc lên rồi: máy bay.

Và Rivière, chậm chậm từng bước, trở về với công việc giữa đám nhân viên phải cúi làm việc dưới đôi mắt ông nhìn nghiêm khắc. Rivière – Vĩ đại, Rivière – Chiến thắng, người mang chiến thắng trĩu nặng trên vai./.

^u Vùng phía Nam Argentina giữa dãy núi Andes và Thái Bình Dương (ND).

Table of Contents

[Giới Thiệu](#)

[1](#)

[2](#)

[3](#)

[4](#)

[5](#)

[6](#)

[7](#)

[8](#)

[9](#)

[10](#)

[11](#)

[12](#)

[13](#)

[14](#)

[15](#)

[16](#)

[17](#)

[18](#)

[19](#)

[20](#)

[21](#)

[22](#)

[23](#)